STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
74	40011862	NGUYỄN THỊ THÁI	13/01/2002	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	6.50	Hóa học	7.00		1	22.05
75	40010112	TRẦN MINH THÁI	31/07/2003	Nam	Toán	7.00	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	7.40		1	22.65
76	40017178	TRẦN CÔNG THÀNH	20/03/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	6.75	Hóa học	7.25		1	22.75
77	63004880	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	12/01/2003	Nữ	Toán	8.60	Vật lí	7.50	Hóa học	7.75		1	24.60
78	40004179	NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO	25/08/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	6.80		1	21.05
79	40019201	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	13/07/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	8.25	Tiếng Anh	7.00		1	23.40
80	40000419	TRẦN THỊ THU THẢO	10/11/2003	Nữ	Toán	6.00	Vật lí	6.75	Hóa học	7.75		1	21.25
81	42013866	KA THỈU	19/04/2003	Nữ	Toán	7.80	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	5.60	01	1	23.65
82	40015530	VĂN NGUYỄN QUANG THOẠI	06/01/2003	Nam	Toán	8.20	Vật lí	5.75	Hóa học	7.75		1	22.45
83	63003647	H THU NI NIÊ	24/05/2003	Nữ	Toán	6.60	Ngữ văn	7.75	Tiếng Anh	7.00	01	1	24.10
84	40019243	NGUYỄN THỊ MỸ THUẬN	02/12/2003	Nữ	Toán	8.20	Vật lí	7.75	Hóa học	7.50		1	24.20
85	40010173	NGUYỄN THỊ THỦY	07/09/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	7.25	Hóa học	7.25		1	22.85
86	40011274	TRẦN THỊ KIM THƯƠNG	15/11/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	8.00	Hóa học	8.00		1	24.35
87	40015572	LÊ THỊ THỦY TIÊN	14/05/2003	Nữ	Toán	8.00	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	7.40		1	22.40
88	40019274	NGUYỄN THỊ THUỶ TIÊN	27/12/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	9.00		1	22.80
89	63006435	ĐOÀN XUÂN TÌNH	20/09/2003	Nam	Toán	8.40	Vật lí	6.75	Tiếng Anh	7.20		1	23.10
90	40009637	ĐINH THỊ NGỌC TRÂM	09/08/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	6.25	Hóa học	6.50		1	21.30
91	40019735	NGUYỄN THỊ ANH TRÂM	04/01/2003	Nữ	Toán	8.40	Vật lí	7.00	Hóa học	8.25		1	24.40
92	40009640	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	12/04/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	8.25	Tiếng Anh	7.40		1	23.80
93	40017904	LÊ QUAN TRIỆU	04/07/2003	Nam	Toán	8.40	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	7.20		1	24.35
94	35012069	LÊ NGUYỄN NHƯ TRINH	04/10/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	8.00		2NT	22.55
95	40007820	PHẠM THỊ KIỀU TRINH	30/06/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	6.60		1	21.00
96	40016202	NGUYỄN QUỲNH THANH TRÚC	28/04/2003	Nữ	Toán	8.20	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	8.20		1	24.40
97	63005011	TRIỆU THỊ CẨM TÚ	07/01/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	5.80	01	1	21.55
98	40017282	PHẠM THANH TÙNG	27/11/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	6.50	Hóa học	7.25		1	22.50
99	40016251	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	23/09/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	6.60		1	21.80
100	63000949	H' TUYẾT	23/04/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	6.00	Tiếng Anh	6.60	01	1	22.95
101	40013496	H UYÊN MLÔ	05/03/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	5.50	Tiếng Anh	5.60	01	1	21.05
102	40004385	H UYN NIÊ	11/07/2002	Nữ	Toán	6.80	Vật lí	6.00	Hóa học	5.75	01	1	21.30
103	40017328	NGUYỄN LONG VŨ	18/08/2003	Nam	Toán	8.20	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	8.00		1	23.45
7340121 - Kinh doanh thương mại													
1	40014316	LÊ NGUYỄN QUỲNH ANH	29/05/2003	Nữ	Toán	5.00	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	3.00		1	15.75
2	40001748	LẠI LÊ LAN ANH	29/11/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	9.25	Tiếng Anh	7.20		1	24.60
3	40019335	NGUYỄN THỊ KIM ANH	28/05/2003	Nữ	Toán	5.40	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	2.40		1	15.30
4	40014372	NGUYỄN VÂN ANH	06/04/2003	Nữ	Toán	3.00	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	5.40		1	16.15
5	40014524	HUỲNH BẢO CHÂU	22/02/2003	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	7.25	Tiếng Anh	9.40		1	24.80
6	40014549	NGUYỄN THỊ KIM CHI	06/11/2003	Nữ	Toán	5.60	Ngữ văn	5.50	Tiếng Anh	5.00		1	16.85
7	40003746	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	05/04/2003	Nam	Toán	8.60	Vật lí	6.25	Hóa học	4.50		1	20.10

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
8	41011711	NGUYỄN MAI CHINH	20/01/2003	Nữ	Toán	8.00	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	7.80		1	23.05
9	40005066	ĐỖ PHI CƯỜNG	09/08/2003	Nam	Toán	7.20	Ngữ văn	5.25	Tiếng Anh	3.40		1	16.60
10	40003762	HUỲNH QUÝ CƯỜNG	27/02/2003	Nam	Toán	6.60	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	5.40		1	19.00
11	63002378	LÊ DOÃN DẦN	09/06/2003	Nam	Toán	6.80	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	4.40		1	17.70
12	40012061	MAI NGUYỄN ANH DŨNG	22/08/2003	Nam	Toán	6.40	Ngữ văn	4.25	Tiếng Anh	5.80		1	17.20
13	63005118	SÙNG THỊ É	20/08/2001	Nữ	Toán	4.20	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	4.00	01	1	16.95
14	40018238	HOÀNG THỊ MỸ HẠNH	06/07/2003	Nữ	Toán	8.20	Vật lí	8.50	Tiếng Anh	7.60		1	25.05
15	63003889	NGUYỄN THỊ HIỀN	17/02/2003	Nữ	Toán	7.60	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	5.80		1	20.65
16	40019563	VÕ THỊ THU HIỀN	20/02/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	5.00	Hóa học	7.50		1	20.25
17	40019571	LÊ TRUNG HIẾU	08/10/2001	Nam	Toán	6.20	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	5.20		1	19.15
18	40000142	DƯƠNG THỊ HUẾ	04/04/2003	Nữ	Toán	6.00	Vật lí	5.00	Hóa học	5.25	01	1	19.00
19	40016672	TRẦN ĐĂNG KHOA	29/10/2003	Nam	Toán	6.40	Ngữ văn	4.50	Tiếng Anh	6.00		1	17.65
20	40018447	HOÀNG VŨ TUẤN KIỆT	06/08/2003	Nam	Toán	5.80	Ngữ văn	5.00	Tiếng Anh	4.20		1	15.75
21	40015165	NGUYỄN TUẤN KIỆT	01/01/2003	Nam	Toán	6.60	Vật lí	6.00	Hóa học	6.25		1	19.60
22	40010806	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	02/04/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	7.00	Tiếng Anh	8.40		1	23.75
23	40015199	NGUYỄN MINH LINH	25/12/2003	Nam	Toán	8.00	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	3.00		1	17.50
24	40007608	ĐÀO THỊ LY	10/07/2003	Nữ	Toán	6.40	Vật lí	6.25	Hóa học	6.50		1	19.90
25	40000237	ĐÀM HẢI MAI	06/06/2002	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	5.50	Hóa học	4.75		1	18.20
26	40018905	LÊ THỊ KIM MAI	21/07/2003	Nữ	Toán	4.60	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	4.00		1	15.10
27	40000242	PHẠM THỊ THẢO MAI	26/06/2003	Nữ	Toán	7.00	Hóa học	6.75	Tiếng Anh	6.60		1	21.10
28	40018936	HÀ THỊ KIỀU MY	16/08/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	4.75	Hóa học	6.25	01	1	20.75
29	40017446	PHAN THỊ LINH MỸ	13/09/2003	Nữ	Toán	7.80	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	7.40		1	23.95
30	40018946	ĐOÀN VI NA	02/02/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	5.25	Tiếng Anh	6.00		1	18.80
31	63002982	TRẦN HIẾU NGÂN	02/02/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	5.00		1	20.45
32	40019026	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	04/09/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.25	Tiếng Anh	9.00		1	24.40
33	40004637	ĐINH THỊ TUYẾT NHI	15/07/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	7.50	Tiếng Anh	5.80		1	21.85
34	40015858	NGUYỄN THANH NHI	31/07/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	6.80		1	21.10
35	40001503	NÔNG THỊ NHI	03/10/2003	Nữ	Toán	4.40	Ngữ văn	5.50	Tiếng Anh	3.20	01	1	15.85
36	40009991	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	07/05/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	4.50	Tiếng Anh	4.20		1	16.85
37	40015924	PHẠM THỊ MỸ NHƯ	02/09/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	5.00		1	19.65
38	40011056	H NHỰA ÊBAN	05/09/2003	Nữ	Toán	3.80	Ngữ văn	6.83	Tiếng Anh	2.60	01	1	15.98
39	40009131	NGUYỄN NAM THẢO NINH	02/01/2003	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	6.00	Hóa học	4.50		1	18.65
40	36000378	NGUYỄN THỊ HOÀNG PHƯƠNG	25/05/2003	Nữ	Toán	8.00	Vật lí	8.00	Hóa học	8.50		1	25.25
41	63006609	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	16/05/2003	Nữ	Toán	5.60	Ngữ văn	5.50	Tiếng Anh	4.60		1	16.45
42	40016988	VŨ THU PHƯƠNG	17/05/2003	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	5.00	Hóa học	6.75		1	19.90
43	40016093	NGUYỄN THANH PHÚ QUÝ	19/10/2003	Nam	Toán	5.00	Ngữ văn	3.25	Tiếng Anh	7.40		1	16.40
44	40019137	NGUYỄN DIỄM QUỲNH	19/12/2003	Nữ	Toán	5.40	Ngữ văn	4.50	Tiếng Anh	8.60		1	19.25
45	40008729	H' RAČOI KTLA	21/11/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	4.60	01	1	20.60

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
46	40018570	VĂN THỊ QUỲNH SÂM	26/04/2003	Nữ	Toán	4.20	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	5.60		1	17.05
47	63004847	HOÀNG THỊ SINH	11/03/2003	Nữ	Toán	5.00	Ngữ văn	4.50	Tiếng Anh	4.40	01	1	16.65
48	40006353	NGUYỄN HUỲNH HỮU SƠN	07/09/2003	Nam	Toán	7.20	Vật lí	6.25	Hóa học	6.25		1	20.45
49	40010097	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	08/12/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	6.50	Hóa học	8.00		1	22.45
50	40017199	NGÔ PHƯƠNG THẢO	15/06/2003	Nữ	Toán	6.20	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	7.40		1	20.10
51	63001598	PHAN THỊ LỆ THẢO	04/06/2003	Nữ	Toán	5.20	Ngữ văn	5.25	Tiếng Anh	3.80	07	1	16.00
52	63005227	H' THÌN	07/01/2003	Nữ	Toán	5.40	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	4.60	01	1	19.00
53	40011901	DƯƠNG THỊ THU	25/01/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	6.75	Hóa học	7.00		1	22.30
54	40000443	LÊ THỊ THU THỦY	27/11/2003	Nữ	Toán	8.00	Ngữ văn	8.25	Tiếng Anh	5.60		1	22.60
55	40016166	NGUYỄN THỊ ÁI TRANG	20/05/2003	Nữ	Toán	6.40	Vật lí	7.50	Hóa học	7.25		1	21.90
56	40019726	TRẦN THỊ THÙY TRANG	25/06/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	4.80		1	17.30
57	40016187	HỒ BẢO TRÂN	26/08/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	6.25	Hóa học	5.50		1	19.70
58	40014182	ĐỒNG THỊ KIM TRÚC	06/01/2003	Nữ	Toán	8.40	Vật lí	6.75	Hóa học	7.50		1	23.40
59	40011316	PHẠM THỊ HỒNG TRÚC	12/01/2003	Nữ	Toán	6.20	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	3.00		1	16.45
60	40015700	NGUYỄN ANH TUẤN	17/04/2003	Nam	Toán	6.60	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	6.40		1	20.75
61	40016247	NGUYỄN MINH TUYỀN	11/07/2003	Nữ	Toán	5.40	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	6.40		1	19.05
62	40016308	NGHIÊM CHÍ VINH	06/04/2003	Nam	Toán	4.20	Ngữ văn	5.00	Tiếng Anh	3.60	01	1	15.55
63	40008854	NGUYỄN THỊ YẾN VY	20/05/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	5.80		1	21.05
7340201 - Tài chính - Ngân hàng													
1	40018035	TRƯƠNG GIA BẢO	20/07/2003	Nam	Toán	7.00	Ngữ văn	8.25	Tiếng Anh	6.80		3	22.05
2	38010048	RAH LAN H' CHANG	04/11/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	5.20	01	1	21.25
3	40005064	TRẦN ĐÌNH CÔNG	19/10/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	5.50	Hóa học	5.25		1	19.50
4	40000050	NGUYỄN THỊ THUỲ DUNG	28/10/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	4.40		1	19.60
5	40003175	HOÀNG THỊ ĐIỆP	26/02/2002	Nữ	Toán	6.80	Vật lí	6.25	Hóa học	7.50	01	1	23.30
6	40010402	Y ĐỨC EBAN	27/11/2003	Nam	Toán	8.20	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	5.60	01	1	23.05
7	40008068	VŨ CAO MINH HÀ	23/04/2003	Nam	Toán	6.60	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	7.00		1	21.60
8	40019526	NGUYỄN HỒNG HẠNH	21/05/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	6.40		1	20.55
9	40014869	NGUYỄN THỊ DIỆP HÂN	02/06/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	6.00		1	19.70
10	40001914	NGÔ THỊ HÒA	07/08/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	5.75	Hóa học	7.25		1	20.75
11	40016502	TRƯƠNG XUÂN HÒA	29/11/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	5.75	Hóa học	6.75	01	1	22.85
12	40018316	NGÔ LÊ HOÀNG	21/11/2003	Nam	Toán	6.20	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	6.80		1	20.00
13	40011800	TRƯƠNG THỊ MỸ HUYỀN	29/04/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	5.60		1	20.40
14	40016628	VÕ VŨ NGỌC HUYỀN	17/11/2003	Nữ	Toán	5.80	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	7.20		1	19.75
15	40016687	BÙI DUY KHƯƠNG	22/07/2003	Nam	Toán	7.60	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	7.00		1	22.10
16	40018471	NGUYỄN NHƯ LÊ	17/08/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	7.75	Tiếng Anh	5.40		1	20.30
17	40015298	NGUYỄN PHẠM TRƯỜNG LY	17/02/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	7.00	Hóa học	7.25		1	22.60
18	40015364	BÙI NGUYỄN HÀ MY	17/09/2003	Nữ	Toán	5.80	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	7.00		1	20.05
19	40000882	CAO THI TRÀ MY	30/07/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	5.40		1	21.15

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
20	40002535	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	27/09/2003	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	6.25	Hóa học	5.50		1	19.90
21	42008289	KA GIÔ - NA	26/11/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	5.40	01	1	22.20
22	40015431	BÙI THỊ THÚY NGÂN	07/12/2003	Nữ	Toán	8.40	Vật lí	8.00	Hóa học	8.25		1	25.40
23	40016755	H NGÂN	21/01/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	3.40	01	1	19.65
24	40015459	TRẦN DIỆP NGÂN	27/02/2003	Nữ	Toán	7.60	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	7.00		1	21.85
25	40008563	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	12/04/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	5.75	Hóa học	7.25		1	21.35
26	40010981	TRẦN NGỌC NGUYÊN	23/10/2003	Nam	Toán	7.40	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	5.40		1	19.80
27	40017531	VŨ BÌNH NGUYÊN	17/03/2003	Nam	Toán	8.40	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	6.00		1	22.40
28	40017547	NGUYỄN THIỆN NHÂN	19/10/2003	Nam	Toán	8.40	Vật lí	6.00	Tiếng Anh	9.00		1	24.15
29	44013180	TRƯƠNG MINH NHÂN	01/09/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	6.00	Hóa học	7.00		2NT	21.10
30	40015825	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC NHẬT	19/07/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	6.50	Hóa học	7.00		1	22.25
31	37017320	NGUYỄN TIẾT NHI	21/01/2003	Nữ	Toán	7.80	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	6.80		1	21.85
32	40015932	DƯƠNG BẢO NI	01/09/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	8.40		1	23.80
33	64002099	NGUYỄN HOÀNG VĨNH PHÁT	16/04/2003	Nam	Toán	7.40	Vật lí	6.75	Hóa học	6.50		1	21.40
34	40002749	RCHĂM H QUY	17/01/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	5.75	Tiếng Anh	5.00	01	1	20.90
35	48020181	NGUYỄN NỮ DIỄM QUỲNH	22/11/2003	Nữ	Toán	8.20	Vật lí	6.25	Hóa học	6.25		1	21.45
36	40018559	TRẦN THỊ DIỄM QUỲNH	21/07/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	7.20		1	20.20
37	40017073	ĐẶNG HUYỀN LINH SANG	07/11/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	6.20		1	21.60
38	63004846	VI THỊ SEN	01/01/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	5.00	01	1	21.25
39	40017218	TRẦN GIA THẢO	01/01/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	5.00		1	19.80
40	40015505	BÙI HỒNG THẮNG	12/03/2002	Nam	Toán	7.60	Vật lí	7.25	Hóa học	7.00		1	22.60
41	40017237	VÕ MẠNH THẮNG	27/09/2003	Nam	Toán	7.20	Hóa học	6.25	Tiếng Anh	6.00		1	20.20
42	40015096	NGUYỄN THỊ MINH THU	10/03/2003	Nữ	Toán	5.80	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	6.40		1	20.20
43	40015601	ĐỖ THỊ QUỲNH TRANG	12/10/2002	Nữ	Toán	8.60	Vật lí	7.50	Hóa học	7.75		1	24.60
44	40006570	HỒ THỊ MINH TRANG	23/05/2003	Nữ	Toán	6.60	Vật lí	5.75	Hóa học	7.00		1	20.10
45	42003528	TRƯƠNG THỊ THÙY TRANG	23/08/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	7.20		1	23.15
46	40019843	LÃ THỤC VY	28/05/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	6.80		1	21.05
**7340301 - Kế toán*													
1	40001227	NGUYỄN THỊ AN	07/06/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	5.25	Hóa học	5.25		1	18.45
2	40014334	NGÔ MINH ANH	26/07/2003	Nữ	Toán	7.80	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	4.80		1	19.60
3	40019331	NGUYỄN HỒNG MAI ANH	07/12/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	4.80		1	18.45
4	40013585	HOÀNG NGỌC ÁNH	27/04/2003	Nữ	Toán	5.40	Vật lí	4.75	Hóa học	5.00	01	1	17.90
5	40010266	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	15/10/2003	Nữ	Toán	5.60	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	5.80		1	18.65
6	40000015	VI THỊ ÁNH	05/05/2003	Nữ	Toán	8.00	Vật lí	7.50	Hóa học	7.75	01	1	26.00
7	38012509	RMAH H' BECH	13/04/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	3.00	01	1	18.30
8	40019367	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	10/03/2003	Nữ	Toán	7.80	Ngữ văn	7.75	Tiếng Anh	4.80		1	21.10
9	40014481	TRẦN THỊ NGỌC BÍCH	20/06/2003	Nữ	Toán	8.20	Vật lí	6.25	Tiếng Anh	8.40		1	23.60
10	40018047	H: BỊCH MLÔ	03/02/2003	Nữ	Toán	5.40	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	5.20	01	1	20.10

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
11	40019385	LÊ THỊ THANH CHÂU	10/11/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	4.60		1	18.75
12	40018073	MAI TRẦN PHƯƠNG CHI	30/01/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	6.75	Hóa học	7.50		1	22.80
13	40010303	TRƯƠNG THỊ LINH CHI	19/04/2003	Nữ	Toán	7.80	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	7.40		1	23.45
14	40018086	NGUYỄN BÌNH GIANG CHUNG	06/03/2003	Nam	Toán	8.40	Vật lí	5.25	Tiếng Anh	6.60		1	21.00
15	40014614	Y DAM SAN NIÊ	17/04/2003	Nam	Toán	6.00	Vật lí	5.00	Hóa học	4.75	01	1	18.50
16	40005082	LÊ THỊ KIỀU DIỄM	02/06/2003	Nữ	Toán	7.60	Ngữ văn	8.50	Tiếng Anh	4.40		1	21.25
17	40010360	ĐINH THỊ MỸ DUYÊN	25/05/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	5.40		1	21.05
18	40007456	LƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN	01/12/2003	Nữ	Toán	8.00	Vật lí	7.00	Hóa học	7.25	01	1	25.00
19	40012068	PHAN THỊ MỸ DUYÊN	26/01/2003	Nữ	Toán	8.80	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	7.80		1	25.35
20	40014707	TRƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN	20/03/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	4.00		1	19.15
21	40012838	HOÀNG THỊ HẢI DƯƠNG	21/03/2003	Nữ	Toán	8.40	Vật lí	5.50	Tiếng Anh	6.60		1	21.25
22	40000063	NGUYỄN THUỲ DƯƠNG	15/03/2003	Nữ	Toán	6.60	Vật lí	6.25	Hóa học	6.25		1	19.85
23	40013684	BÙI XUÂN ĐỨC	13/02/2003	Nam	Toán	8.40	Vật lí	6.75	Hóa học	7.75		1	23.65
24	40010403	LÊ THỊ THUỲ GIANG	13/02/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	6.80		1	20.80
25	40007485	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	01/08/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	4.50	Hóa học	7.00		1	19.45
26	40014822	NGUYỄN THỊ DIỆU HÀ	16/02/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	4.25	Tiếng Anh	8.80		1	20.80
27	40019519	TRẦN THỊ THU HÀ	20/12/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	5.20		1	20.60
28	40016453	PHẠM GIA HÂN	08/04/2003	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	7.25	Hóa học	7.25		1	22.65
29	40010440	TRẦN THỊ BẢO HÂN	02/01/2003	Nữ	Toán	5.80	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	4.80		1	18.60
30	40019546	PHAN DƯƠNG HẬU	14/06/2003	Nam	Toán	5.80	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	6.40		1	19.45
31	40001347	H' HER RƠ YAM	02/01/2003	Nữ	Toán	5.60	Vật lí	6.00	Hóa học	5.75	01	1	20.10
32	40019549	VŨ NGUYỄN THÚY HIỀN	14/12/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	6.00	Hóa học	8.00		1	22.35
33	40019551	ĐÀO THỊ THANH HIỀN	04/10/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	7.50	Hóa học	6.50		1	22.55
34	40016498	HỒ MỸ HÒA	23/11/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	6.00	Tiếng Anh	5.60	01	1	22.35
35	40019594	PHẠM THỊ THANH HOÀI	01/01/2003	Nữ	Toán	6.60	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	5.60		1	19.70
36	40011807	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	25/10/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	7.60		1	22.55
37	40004081	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	21/07/2003	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	6.25	Hóa học	7.25		1	21.65
38	40016644	VŨ TRẦN THANH HƯỜNG	27/05/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	5.00		1	18.95
39	40015137	ĐẶNG TRẦN MINH KHANG	10/10/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	5.75	Tiếng Anh	8.40		1	22.50
40	40018459	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC LAN	16/11/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	5.80		1	20.35
41	40018828	LÊ THỊ THU LAN	24/01/2003	Nữ	Toán	7.80	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	7.80		1	24.35
42	63004636	ĐẶNG THỊ KHÁNH LINH	01/01/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	4.00		1	17.75
43	40015230	TRƯƠNG THỊ TÚ LINH	13/12/2003	Nữ	Toán	8.00	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	7.60		1	22.35
44	40004467	HỒ THỊ LANH LỢI	14/02/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	8.50	Tiếng Anh	7.20		1	23.45
45	40015286	NGUYỄN THỊ HIỀN LƯƠNG	10/03/2003	Nữ	Toán	6.60	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	6.20		1	20.30
46	40002499	LÊ THỊ HẢI LY	13/01/2003	Nữ	Toán	6.20	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	6.00		1	20.20
47	63000631	VŨ THỊ MÂY	21/05/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	3.20		1	18.40
48	40015357	TRÀ VĂN MINH	23/04/2003	Nam	Toán	8.20	Vật lí	7.25	Hóa học	4.25		1	20.45

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
49	40002532	HOÀNG NỮ HOÀI MY	07/09/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	3.40	01	1	20.05
50	40018943	PHẠM THỊ TRÀ MY	08/11/2003	Nữ	Toán	7.60	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	7.60		1	22.45
51	40015422	TRẦN THỊ THÚY NGA	27/03/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	5.25	Hóa học	5.25		1	18.45
52	38002455	NGUYỄN THỊ NGÁT	19/02/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	8.25	Tiếng Anh	4.60		1	20.00
53	42004649	ĐẶNG NGUYỄN TUYẾT NGÂN	12/11/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	4.50	Hóa học	5.25		1	17.50
54	40015438	HỨA VŨ NGÂN	07/03/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	6.25	Hóa học	5.00		1	19.20
55	36004563	NGUYỄN THỊ NGÂN	01/07/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	7.25	Tiếng Anh	5.60		1	21.40
56	40015740	NGUYỄN THỊ NGẦN	21/11/2003	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	6.00	Tiếng Anh	8.00		1	22.15
57	40015750	ĐẶNG HỒNG NGỌC	02/08/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	6.75	Hóa học	6.50		1	21.80
58	40018995	LÊ THUÝ NGỌC	14/03/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	6.92	Tiếng Anh	4.20		1	18.67
59	40017507	PHAN THỊ BÍCH NGỌC	10/09/2003	Nữ	Toán	8.00	Vật lí	7.75	Hóa học	7.00		1	23.50
60	40015766	VŨ VÕ BÍCH NGỌC	26/10/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	5.20		1	20.85
61	38004901	NÔNG THỊ MINH NGUYỆT	21/09/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	5.80	01	1	23.45
62	40001499	NGUYỄN THỊ THU NHÀN	28/05/2003	Nữ	Toán	6.20	Ngữ văn	9.00	Tiếng Anh	4.00		1	19.95
63	40015813	NGUYỄN THỊ THU NHÀN	02/03/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.25	Tiếng Anh	8.20		1	25.60
64	40019029	ĐỖ THÀNH NHÂN	10/03/2003	Nam	Toán	5.60	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	5.80		1	18.40
65	40015823	ĐOÀN TÔ CÁT NHẬT	01/01/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	4.40		1	19.15
66	40011008	ĐẶNG THỊ THANH NHI	01/01/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	5.75	Hóa học	5.25		1	18.75
67	63003046	PHAN THỊ TUYẾT NHI	21/11/2003	Nữ	Toán	7.60	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	8.00		1	24.35
68	29016895	TRẦN THỊ NHI	02/01/2003	Nữ	Toán	4.40	Ngữ văn	7.75	Tiếng Anh	4.80		1	17.70
69	40006162	CAO THỊ CẨM NHUNG	29/06/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	7.50	Hóa học	7.50		1	23.55
70	40017583	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	10/09/2003	Nữ	Toán	8.20	Vật lí	6.75	Tiếng Anh	8.60		1	24.30
71	40015900	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	29/11/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	8.00	Hóa học	8.00		1	23.95
72	40017587	ĐÀO NGỌC THẢO NHƯ	24/10/2003	Nữ	Toán	8.20	Ngữ văn	8.50	Tiếng Anh	9.20		1	26.65
73	63003577	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	04/12/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.00	Tiếng Anh	6.60		1	22.35
74	40008637	HÀ BẢO NI	04/07/2003	Nữ	Toán	4.80	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	5.60		1	17.90
75	40007682	LÊ THỊ KIỀU OANH	08/07/2003	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	6.25	Hóa học	8.50		1	22.90
76	40016001	VŨ GIA PHÚ	04/10/2003	Nam	Toán	5.80	Ngữ văn	5.50	Tiếng Anh	6.00		1	18.05
77	40010025	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	01/12/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	6.50	Hóa học	7.25		1	22.30
78	40016055	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	18/01/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	4.50	Hóa học	8.00		1	20.45
79	40016084	TRƯƠNG ANH QUÂN	26/11/2003	Nam	Toán	8.40	Ngữ văn	7.75	Tiếng Anh	8.00		1	24.90
80	40014007	TRẦN THỊ THANH QUÝ	02/05/2003	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	7.25	Tiếng Anh	7.80		1	23.20
81	40019156	SARA	23/06/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	5.50	Tiếng Anh	4.60	01	1	18.85
82	40010083	HỒ THỊ THU SƯƠNG	16/07/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	4.75	Hóa học	5.00		1	18.30
83	40017105	NGUYỄN THỤY TUYẾT SƯƠNG	05/02/2003	Nữ	Toán	8.40	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	5.00		1	20.40
84	40017112	NGUYỄN CỬU TÀI	20/08/2003	Nam	Toán	7.00	Vật lí	5.00	Tiếng Anh	5.00		1	17.75
85	40011219	MÓ TÂM	20/09/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	4.80	01	1	21.05
86	40006378	NGUYỄN THỊ NHƯ TÂM	15/05/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	6.60		1	20.85

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
87	40009224	HUỲNH THỊ THANH	10/07/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.75	Tiếng Anh	7.00		1	23.30
88	40019191	HỒ THỊ THANH THẢO	31/01/2003	Nữ	Toán	6.60	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	6.40		1	20.50
89	40000413	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	15/01/2003	Nữ	Toán	8.20	Vật lí	5.25	Hóa học	7.50		1	21.70
90	40002832	NGUYỄN THỊ THU THẢO	14/06/2003	Nữ	Toán	8.00	Vật lí	7.25	Hóa học	7.00		1	23.00
91	40009252	TRỊNH THỊ PHƯƠNG THẢO	29/03/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	6.25	Hóa học	7.25		1	21.45
92	40001615	PHAN THANH THIỆN	05/08/2002	Nam	Toán	7.20	Vật lí	6.50	Hóa học	7.25		1	21.70
93	63004225	HOÀNG THỊ THIỀU	07/06/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	4.20	01	1	20.60
94	63003287	NGUYỄN HOÀNG ÁI THỦY	01/06/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	7.00	Hóa học	7.00		1	22.55
95	40011924	TRẦN THỊ THU THỦY	06/11/2003	Nữ	Toán	6.20	Ngữ văn	8.50	Tiếng Anh	6.60		1	22.05
96	40019258	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THUYÊN	25/09/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	5.80		1	19.70
97	40008314	HOÀNG THỊ MINH THƯ	25/01/2002	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	3.20	01	1	20.35
98	40006511	LA THỊ ANH THƯ	24/01/2003	Nữ	Toán	6.20	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	4.40	01	1	20.85
99	63003652	LÊ VŨ ANH THƯ	20/08/2003	Nữ	Toán	7.40	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	6.20		1	20.10
100	40016132	BÙI THỊ THU THƯƠNG	04/04/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	6.25	Hóa học	7.50		1	21.50
101	36004622	HOÀNG THỊ THƯƠNG THƯƠNG	10/10/2003	Nữ	Toán	6.60	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	4.40		1	18.50
102	40016137	DƯƠNG NGỌC THỦY TIÊN	06/07/2003	Nữ	Toán	7.20	Hóa học	7.50	Tiếng Anh	8.00		1	23.45
103	30014148	TRẦN CẨM TIÊN	04/01/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	2.80		2NT	17.80
104	40019703	ĐÀO THANH TRÀ	08/03/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	6.00		1	21.25
105	40002948	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	26/06/2003	Nữ	Toán	7.60	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	6.60		1	22.20
106	40011970	LÊ NGỌC THÙY TRANG	28/02/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	4.80		1	18.80
107	40015622	HỒ THỊ THANH TRÂM	26/11/2003	Nữ	Toán	7.00	Ngữ văn	7.75	Tiếng Anh	6.20		1	21.70
108	40004329	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	08/03/2003	Nữ	Toán	5.80	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	7.20		1	20.75
109	40016181	NGUYỄN THỊ TRÂM	02/01/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	6.25	Hóa học	8.25		1	22.45
110	40015635	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	15/12/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	8.50	Tiếng Anh	5.20		1	20.85
111	40019756	NGUYỄN THỊ DIỆU TRINH	19/05/2003	Nữ	Toán	5.80	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	5.80		1	18.60
112	40010554	NGUYỄN THỊ TRINH	01/05/2003	Nữ	Toán	6.20	Ngữ văn	8.25	Tiếng Anh	6.20		1	21.40
113	40018684	HUỲNH PHƯỚC TUYỀN	10/05/2003	Nữ	Toán	6.00	Hóa học	5.00	Tiếng Anh	6.00		1	17.75
114	40019810	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾT	24/07/2003	Nữ	Toán	6.00	Ngữ văn	5.50	Tiếng Anh	6.00		1	18.25
115	40017288	BÙI MINH CHÂU UYÊN	01/10/2003	Nữ	Toán	6.80	Vật lí	4.00	Tiếng Anh	6.80		1	18.35
116	40013498	NGÔ THỊ THANH UYÊN	14/02/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	7.00	Tiếng Anh	3.40		1	17.55
117	63003703	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	04/03/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	5.20		1	19.10
118	40019832	NGUYỄN THẠCH THUÝ VI	14/05/2003	Nữ	Toán	6.80	Ngữ văn	7.50	Tiếng Anh	5.20		1	20.25
119	40010657	HOÀNG THẢO VY	02/09/2003	Nữ	Toán	8.80	Vật lí	7.50	Hóa học	7.50		1	24.55
120	40005744	NGUYỄN NHẬT TƯỜNG VY	28/06/2003	Nữ	Toán	7.20	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	6.00		1	20.45
121	40018756	TRẦN TRIỆU VY	18/08/2003	Nữ	Toán	6.60	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	4.40		1	19.75
122	63003321	VŨ NGUYỄN HOÀNG VY	22/02/2003	Nữ	Toán	8.60	Vật lí	6.25	Hóa học	5.50		1	21.10
123	63003326	MAI THANH XUÂN	04/01/2003	Nữ	Toán	8.00	Vật lí	6.75	Hóa học	7.25		1	22.75

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
**7420101 - Sinh học*													
1	40013772	TRƯƠNG THỊ KIM HUỆ	15/09/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	7.00	Sinh học	5.00	07	1	20.15
**7420201 - Công nghệ sinh học*													
1	40005219	H ĐVI HWING	10/05/2003	Nữ	Toán	6.00	Hóa học	6.25	Sinh học	4.75	01	1	19.75
2	42006761	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	05/05/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.00	Sinh học	7.50		1	23.25
3	42007278	HUỲNH THỊ NGÂN TÂM	07/11/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.50	Sinh học	8.00		1	25.25
4	42005324	NGUYỄN THỊ THU TRANG	25/05/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	5.50	Hóa học	6.75		1	20.60
5	40002325	BÙI XUÂN TRƯỜNG	21/06/1998	Nam	Toán	3.80	Hóa học	4.00	Sinh học	5.00	03	1	15.55
**7480201 - Công nghệ thông tin*													
1	40014255	DOÃN NGUYỄN AN	26/04/2003	Nam	Toán	7.80	Vật lí	6.75	Hóa học	6.00		1	21.30
2	63002242	ĐỖ NGỌC AN	12/08/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	6.25	Hóa học	5.50		1	20.10
3	40007407	HỒ SỸ AN	10/03/2003	Nam	Toán	7.80	Vật lí	6.50	Hóa học	6.25		1	21.30
4	40019310	LÊ HỮU TRƯỜNG AN	19/11/2003	Nam	Toán	8.20	Vật lí	7.25	Hóa học	7.50		1	23.70
5	40011462	NGUYỄN ĐỨC ANH	17/01/2003	Nam	Toán	7.20	Vật lí	6.00	Hóa học	5.00		1	18.95
6	40014368	NGUYỄN TUẤN ANH	26/05/2003	Nam	Toán	5.00	Vật lí	5.00	Tiếng Anh	8.00		1	18.75
7	40019340	PHẠM ĐỨC ANH	19/10/2003	Nam	Toán	6.00	Vật lí	6.50	Tiếng Anh	7.40		1	20.65
8	40011476	VÕ HÀ TIẾN ANH	14/02/2003	Nam	Toán	7.20	Vật lí	4.50	Hóa học	4.25		1	16.70
9	37944003	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	23/09/2003	Nam	Toán	7.00	Vật lí	4.75	Hóa học	4.75		1	17.25
10	40014674	TRẦN BÁ DŨNG	23/05/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	7.25	Hóa học	7.00		1	23.00
11	40018201	LÊ VĂN ĐỨC	19/10/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	3.25	Hóa học	3.50		1	15.10
12	40012890	HUỲNH HUY HẢI	15/03/2002	Nam	Toán	8.40	Vật lí	5.00	Tiếng Anh	7.40		1	21.55
13	40001358	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	06/01/2003	Nam	Toán	7.40	Vật lí	8.00	Tiếng Anh	9.20		1	25.35
14	40007532	NGUYỄN DUY NGUYÊN HOÀNG	05/06/2003	Nam	Toán	5.00	Vật lí	4.75	Hóa học	4.50		1	15.00
15	63002793	NGÔ VĂN HỒNG	20/12/2002	Nam	Toán	7.20	Vật lí	3.25	Hóa học	4.25		1	15.45
16	63003940	TRẦN HỮU HUY	15/07/2002	Nam	Toán	7.60	Vật lí	6.50	Hóa học	7.75		1	22.60
17	40015121	PHẠM TRẦN QUỐC HƯNG	27/06/2003	Nam	Toán	7.00	Vật lí	5.75	Hóa học	5.75		1	19.25
18	39002495	TRẦN CÔNG HƯỚNG	20/10/2002	Nam	Toán	7.00	Vật lí	6.50	Hóa học	5.75		1	20.00
19	63002837	PHAN VĂN KHÁNH	26/04/2003	Nam	Toán	6.80	Vật lí	6.75	Tiếng Anh	4.40		1	18.70
20	40010793	NGUYỄN NGỌC LÂM	11/12/2003	Nam	Toán	8.80	Vật lí	8.75	Hóa học	8.25		1	26.55
21	63002933	NGUYỄN TIẾN MẠNH	14/09/2003	Nam	Toán	6.20	Vật lí	5.25	Hóa học	4.25		1	16.45
22	40018955	LÊ HOÀNG NAM	19/10/2003	Nam	Toán	6.40	Vật lí	5.50	Tiếng Anh	5.40		1	18.05
23	63004702	LẠI VIỆT NAM	09/05/2003	Nam	Toán	6.40	Vật lí	4.00	Hóa học	4.00		1	15.15
24	40002544	NGUYỄN NAM	23/08/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	7.00	Hóa học	3.50		1	19.25
25	40006037	H NE MLÔ	13/07/2003	Nữ	Toán	4.80	Vật lí	5.00	Hóa học	2.50	01	1	15.05
26	40007650	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC	24/06/2003	Nữ	Toán	6.80	Vật lí	6.50	Hóa học	6.75	03	1	22.80
27	63000375	NGÔ HỮU NGUYÊN	15/06/2002	Nam	Toán	8.40	Vật lí	6.75	Hóa học	7.00		1	22.90
28	63001984	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	16/01/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	5.50	Tiếng Anh	9.00		1	22.85

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
29	40019031	NGUYỄN ĐÌNH NHẤT	07/11/2003	Nam	Toán	6.20	Vật lí	5.25	Hóa học	6.00		1	18.20
30	40015829	THÂN THÁI NHẬT	01/12/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	6.50	Hóa học	7.00		1	21.85
31	40007672	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	12/04/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	7.00	Hóa học	6.75		1	21.70
32	40017617	TRẦN ĐÌNH PHÁT	17/06/2003	Nam	Toán	7.40	Vật lí	6.00	Tiếng Anh	5.60		1	19.75
33	38003595	NGUYỄN MINH PHONG	19/03/2003	Nam	Toán	6.40	Vật lí	4.75	Hóa học	5.25		1	17.15
34	40008664	TRƯƠNG QUỐC PHONG	28/09/2003	Nam	Toán	5.00	Vật lí	5.25	Hóa học	5.00	01	1	18.00
35	40011088	HUỲNH HOÀNG PHÚC	01/04/2003	Nam	Toán	6.80	Vật lí	4.75	Tiếng Anh	5.40		1	17.70
36	40011089	LÊ HỒNG PHÚC	29/07/2003	Nam	Toán	7.20	Vật lí	5.25	Hóa học	5.75		1	18.95
37	40001537	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	24/01/2003	Nữ	Toán	5.60	Vật lí	4.25	Tiếng Anh	5.00		1	15.60
38	40016021	PHAN NGUYỄN HỒNG PHÚC	16/11/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	6.50	Tiếng Anh	7.40		1	22.65
39	38013327	ĐINH VĂN PHƯỚC	05/01/2002	Nam	Toán	7.00	Vật lí	4.25	Hóa học	6.75	01	1	20.75
40	40005559	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG QUANG	21/07/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	6.25	Hóa học	5.75		1	20.35
41	40007715	PHẠM VĂN QUANG	23/01/2002	Nam	Toán	6.40	Vật lí	5.50	Hóa học	7.25		1	19.90
42	40004735	HÀ MINH QUÂN	09/12/2003	Nam	Toán	7.40	Vật lí	6.00	Hóa học	4.00	01	1	20.15
43	40017018	LÊ TRUNG QUỐC	11/12/2003	Nam	Toán	7.20	Vật lí	5.75	Hóa học	7.25		1	20.95
44	40017074	HỒ VIẾT SANG	30/03/2003	Nam	Toán	7.00	Vật lí	7.25	Hóa học	8.00		1	23.00
45	40003457	CHUNG THANH SƠN	19/01/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	7.50	Hóa học	8.25	01	1	26.10
46	40004790	HUỲNH TRỌNG SƠN	30/09/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	5.25	Hóa học	5.50		1	19.50
47	51014287	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG SƠN	18/05/2003	Nam	Toán	5.80	Vật lí	6.25	Hóa học	6.25		2NT	18.80
48	40017120	THÁI TUẤN TÀI	10/07/2003	Nam	Toán	7.00	Vật lí	5.00	Hóa học	5.25		1	18.00
49	40017733	TRỊNH THANH TÂM	06/06/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	8.00	Tiếng Anh	8.60		1	25.35
50	40011239	VÕ NGUYỄN DUY THANH	09/03/2003	Nam	Toán	5.80	Vật lí	6.00	Tiếng Anh	7.60		1	20.15
51	40017745	NGUYỄN THANH THẢO	04/07/2002	Nữ	Toán	7.40	Vật lí	6.00	Hóa học	6.00		1	20.15
52	40006470	KHUẤT BẢO THỊNH	06/01/2003	Nam	Toán	7.20	Vật lí	5.75	Hóa học	5.75		1	19.45
53	63002121	TRẦN VĂN THỌ	21/08/2003	Nam	Toán	6.00	Vật lí	5.00	Hóa học	5.25		1	17.00
54	40015529	TRẦN PHÚC THOẠI	19/02/2003	Nam	Toán	6.40	Vật lí	7.00	Hóa học	7.25		1	21.40
55	40011904	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	24/12/2003	Nữ	Toán	8.40	Vật lí	8.00	Hóa học	7.50		1	24.65
56	40016115	HỒ THỊ BÍCH THỦY	02/08/2003	Nữ	Toán	8.00	Vật lí	7.25	Hóa học	7.50		1	23.50
57	40016121	ĐOÀN MINH THƯ	10/07/2003	Nữ	Toán	8.60	Vật lí	7.25	Hóa học	7.75		1	24.35
58	63003308	DƯƠNG MINH THỨC	01/10/2003	Nam	Toán	6.40	Vật lí	4.00	Hóa học	4.50		1	15.65
59	40002929	NGUYỄN QUANG TIẾN	03/09/2003	Nam	Toán	6.00	Vật lí	6.25	Hóa học	4.00		1	17.00
60	40000466	TRẦN TRỌNG TÍN	01/01/2003	Nam	Toán	8.60	Vật lí	7.25	Hóa học	8.00		1	24.60
61	63002638	DƯƠNG MINH TRỌNG	01/10/2003	Nam	Toán	6.20	Vật lí	4.25	Hóa học	6.00		1	17.20
62	40009669	LÊ QUỐC ANH TRƯƠNG	28/07/2003	Nam	Toán	6.60	Vật lí	3.75	Hóa học	4.75		1	15.85
63	40004849	NGUYỄN LÊ NHẬT TRƯỜNG	26/11/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	4.25	Tiếng Anh	3.80		1	16.40
64	40019782	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	26/04/2003	Nam	Toán	8.60	Vật lí	7.50	Hóa học	8.25		1	25.10
65	40004852	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	26/07/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	6.25	Hóa học	6.50		1	21.10
66	40016231	TRẦN QUỐC TRƯỞNG	20/05/2002	Nam	Toán	5.80	Vật lí	5.75	Hóa học	6.00		1	18.30

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
67	40015698	LÊ QUỐC TUẤN	20/07/1996	Nam	Toán	7.20	Vật lí	6.75	Hóa học	8.25		1	22.95
68	40008435	NGUYỄN MINH TUỆ	07/07/2003	Nam	Toán	8.20	Vật lí	7.00	Hóa học	8.00		1	23.95
69	40002365	NGUYỄN QUANG VINH	02/01/2003	Nam	Toán	5.00	Vật lí	4.25	Hóa học	6.25		1	16.25
70	40017327	NGUYỄN LONG VŨ	15/09/2003	Nam	Toán	7.80	Vật lí	5.75	Hóa học	5.00		1	19.30
71	40019296	TRỊNH QUANG HƯNG VŨ	04/06/2003	Nam	Toán	8.20	Vật lí	7.50	Hóa học	7.25		1	23.70
72	38012010	KSOR H' VUN	06/09/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	6.75	Hóa học	6.00	01	1	22.70
73	40018741	ĐỖ PHƯỚC ĐẠT VƯƠNG	19/10/2003	Nam	Toán	7.80	Vật lí	7.25	Hóa học	6.25		1	22.05
7510406 - Công nghệ kỹ thuật môi trường													
1	02057341	PHÚ HẢI ĐĂNG	05/11/2001	Nam	Toán	5.80	Hóa học	4.50	Sinh học	5.50	01	1	18.55
2	40017011	NGUYỄN THÁI HỒNG QUÂN	28/08/2003	Nam	Toán	6.80	Hóa học	4.00	Sinh học	7.25		1	18.80
3	40009279	HOÀNG VĂN THUẬN	05/03/2003	Nam	Toán	7.80	Vật lí	6.50	Sinh học	5.75		1	20.80
7540101 - Công nghệ thực phẩm													
1	38003877	PHẠM THỊ NGỌC DIỄM	03/10/2003	Nữ	Toán	6.00	Vật lí	5.25	Sinh học	5.50		1	17.50
2	63006367	THÂN ĐỨC MINH	26/04/2003	Nam	Toán	7.00	Vật lí	6.25	Hóa học	6.75		1	20.75
3	40017030	BÙI THỊ DIỄM QUỲNH	16/10/2003	Nữ	Toán	7.60	Vật lí	5.75	Hóa học	7.50		1	21.60
4	63005205	HOÀNG VĂN SƠN	18/05/2003	Nam	Toán	6.80	Vật lí	5.50	Hóa học	6.50	01	1	21.55
7620105 - Chăn nuôi													
1	40000256	LÊ THỊ DIỄM MY	03/12/2003	Nữ	Toán	5.60	Vật lí	3.50	Sinh học	3.75	01	1	15.60
2	38013939	TẠ TẤN PHÁT	24/10/2003	Nam	Toán	7.40	Vật lí	7.00	Sinh học	7.25		1	22.40
3	63000956	NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG	02/01/2003	Nam	Toán	7.80	Vật lí	5.50	Sinh học	4.75		1	18.80
7620110 - Khoa học cây trồng													
1	38000007	KPĂ - CHIẾN	18/04/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	6.25	Hóa học	6.50	01	1	23.50
2	40018229	HUỲNH NGỌC HẢI	03/09/2003	Nam	Toán	5.60	Sinh học	2.75	Tiếng Anh	8.40		1	17.50
3	38011806	SIU H' KLER	11/01/2003	Nữ	Toán	5.40	Hóa học	6.25	Sinh học	6.50	01	1	20.90
4	40006007	H MƯƠNG NIÊ	24/09/2003	Nữ	Toán	5.40	Hóa học	4.75	Sinh học	5.50	01	1	18.40
5	40009173	NGUYỄN KHẮC MINH QUÂN	17/02/2003	Nam	Toán	4.20	Hóa học	5.75	Sinh học	5.50		1	16.20
6	63005433	NGUYỄN ANH QUYẾT	01/07/2003	Nam	Toán	7.80	Vật lí	5.75	Hóa học	7.75		1	22.05
7	39007226	NGUYỄN VĂN SÁNG	25/02/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	6.75	Sinh học	7.50		2NT	22.95
8	40015528	Y THÒA	20/04/2002	Nam	Toán	7.40	Vật lí	5.25	Hóa học	5.75	01	1	21.15
9	40004383	H' UY MLÔ	01/03/2002	Nữ	Toán	7.00	Hóa học	6.25	Sinh học	5.50	01	1	21.50
7620112 - Bảo vệ thực vật													
1	40003152	NGUYỄN THANH ĐÀI	08/09/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	6.50	Sinh học	6.00		1	20.65
2	38004492	TRẦN THÀNH QUỐC ĐẠT	16/07/2003	Nam	Toán	8.60	Sinh học	6.00	Tiếng Anh	9.20		1	24.55
3	40011784	LÊ THÁI HUY	17/03/2001	Nam	Toán	5.80	Hóa học	3.75	Sinh học	6.00		1	16.30
4	40018803	NGUYỄN VĂN KHIÊM	10/04/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	6.75	Hóa học	7.25		1	22.75
5	25006095	NINH XUÂN LINH	01/01/2003	Nam	Toán	7.80	Hóa học	6.25	Sinh học	6.00		2NT	20.55

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
6	40001455	NGUYỄN THỊ LY LY	25/08/2003	Nữ	Toán	4.80	Vật lí	5.75	Hóa học	4.75		1	16.05
7	38002997	VÕ ĐỨC MẠNH	07/09/2003	Nam	Toán	5.60	Hóa học	4.75	Sinh học	5.50		1	16.60
8	38013270	KSOR H' MUEN	13/10/2001	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	6.25	Hóa học	8.75	01	1	24.75
9	40015830	TRẦN THANH NHẬT	01/08/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	7.50	Hóa học	7.00		1	22.85
10	40015841	LÊ HOÀNG YẾN NHI	01/10/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	6.50	Hóa học	7.25		1	21.50
11	40016997	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	26/04/2003	Nam	Toán	6.20	Vật lí	6.50	Sinh học	3.75		1	17.20
12	40019214	HOÀNG TUYỀN THẮNG	27/08/2003	Nam	Toán	8.00	Vật lí	5.25	Hóa học	7.50		1	21.50
13	40004306	ĐINH THỊ THÙY TRANG	04/09/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	6.50	Sinh học	6.50		1	21.35
14	38007630	HỒ ANH TUẤN	17/01/2003	Nam	Toán	7.40	Vật lí	4.25	Hóa học	5.50		1	17.90
*7620115 - Kinh tế nông nghiệp													
1	42003833	BÙI ĐỨC ANH	06/08/2003	Nam	Toán	6.80	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	3.80		1	17.10
2	39008232	MANG BÈO	30/09/2003	Nam	Toán	4.80	Ngữ văn	5.25	Tiếng Anh	3.40	01	1	16.20
3	29009367	NGUYỄN THI NGỌC CẨM	20/11/2003	Nữ	Toán	3.40	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	4.60		2NT	15.25
4	40003046	KPĂ - Y - CẤP	18/12/2001	Nam	Toán	4.20	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	3.40	01	1	16.10
5	63003354	Y CHÂU BKRÔNG	14/03/2003	Nam	Toán	4.20	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	3.00	01	1	15.95
6	42004567	JƠR LƠNG NAI DỚM	18/03/2003	Nữ	Toán	4.20	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	4.80	01	1	18.00
7	40011582	BÙI ĐỨC DŨNG	26/04/2003	Nam	Toán	8.40	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	2.60		1	18.25
8	42003283	KƠ ĐƠNG HA GIÁP	19/02/2003	Nam	Toán	5.40	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	5.60	01	1	19.75
9	40014827	VÕ THỊ THU HÀ	01/06/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	5.40		1	18.55
10	63003875	LỤC ĐÌNH HẢI	29/11/2003	Nam	Toán	6.20	Ngữ văn	5.50	Tiếng Anh	2.80	01	1	17.25
11	40019581	PHAN THỊ THANH HOA	05/03/2003	Nữ	Toán	5.60	Ngữ văn	7.75	Tiếng Anh	4.20		1	18.30
12	40010509	HOÀNG ĐAN HY	23/08/2003	Nam	Toán	5.20	Ngữ văn	5.00	Tiếng Anh	5.60		1	16.55
13	38000041	H LỆ KSƠR	10/02/2003	Nữ	Toán	5.60	Ngữ văn	8.00	Tiếng Anh	4.40	01	1	20.75
14	40013086	ĐẶNG TIẾN LỢI	06/06/2001	Nam	Toán	3.80	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	3.80	01	1	16.85
15	40015474	BẠCH ANH BẢO NGỌC	06/06/2003	Nữ	Toán	4.00	Ngữ văn	6.50	Tiếng Anh	4.60		1	15.85
16	40007658	BÙI NHƯ ANH NGUYÊN	02/09/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	5.25	Hóa học	6.25		1	19.45
17	38009504	KPĂ NHÂN	07/08/2003	Nam	Toán	6.80	Ngữ văn	5.08	Tiếng Anh	5.40	01	1	20.03
18	40019038	PHẠM HUY NHẬT	13/09/2003	Nam	Toán	7.00	Ngữ văn	5.00	Tiếng Anh	4.40		1	17.15
19	42004666	BƠ NAH RIA Ô NIA	09/10/2003	Nữ	Toán	4.40	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	4.60	01	1	18.00
20	42008366	K'BRU NÔ	16/08/2003	Nam	Toán	5.80	Ngữ văn	5.50	Tiếng Anh	6.20	01	1	20.25
21	40016065	H PHƯƠNG BUÔN YĂ	26/03/2003	Nữ	Toán	6.40	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	5.20	01	1	20.60
22	40019166	DƯƠNG BÁ TÀI	08/07/2003	Nam	Toán	7.00	Vật lí	6.25	Hóa học	7.50		1	21.50
23	40019171	TRẦN THANH TÀI	16/11/2002	Nam	Toán	5.20	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	4.20		1	16.15
24	63002660	NÔNG HỒ THANH TÚ	12/02/2003	Nam	Toán	5.40	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	4.20	01	1	18.60
25	38009757	HOÀNG THANH TÙNG	03/02/2003	Nam	Toán	6.80	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	2.00		1	15.30
26	40002347	PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT	23/09/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	6.00	Hóa học	8.00		1	21.75
27	40000527	VŨ THẢO VÂN	01/09/2003	Nữ	Toán	5.80	Ngữ văn	6.00	Tiếng Anh	3.00		1	15.55
28	38009618	ĐẶNG XUÂN VINH	07/01/2002	Nam	Toán	5.40	Ngữ văn	7.25	Tiếng Anh	5.20		1	18.60

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
29	63006689	HÀ NGỌC VINH	22/09/2003	Nam	Toán	6.20	Ngữ văn	5.75	Tiếng Anh	3.60		1	16.30
30	40005714	H - VINH NIÊ	05/02/2002	Nữ	Toán	3.60	Ngữ văn	6.25	Tiếng Anh	2.80	01	1	15.40
31	38009630	RƠ LAN ZAN	09/03/2003	Nam	Toán	6.00	Ngữ văn	6.75	Tiếng Anh	4.20	01	1	19.70
**7620205 - Lâm sinh*													
1	40007964	TRẦN XUÂN DIỄM	03/10/2003	Nữ	Toán	6.40	Vật lí	5.00	Hóa học	5.25		1	17.40
2	36001652	PHAN LÊ ĐÔNG	17/11/2003	Nam	Toán	5.40	Vật lí	6.25	Hóa học	5.75		1	18.15
3	40002436	NGUYỄN HỮU LÊN	10/01/2003	Nam	Toán	7.20	Hóa học	5.00	Sinh học	3.50		1	16.45
4	38013365	ĐINH Y THÁI	29/03/2001	Nam	Toán	7.60	Vật lí	3.75	Hóa học	5.50	01	1	19.60
5	38008505	LÊ VIẾT TRÍ	10/08/2003	Nam	Toán	8.60	Vật lí	7.75	Hóa học	7.50		1	24.60
6	38013475	NAY YÁP	05/11/2000	Nam	Toán	7.00	Vật lí	6.25	Hóa học	4.50	01	1	20.50
**7640101 - Thú y*													
1	41006342	TRƯƠNG GIA BẢO	20/04/2003	Nam	Toán	6.80	Hóa học	7.25	Sinh học	5.50		1	20.30
2	40009383	TRẦN HẢI BÌNH	17/07/2003	Nam	Toán	6.40	Hóa học	5.75	Sinh học	4.00		1	16.90
3	38003338	VŨ HỒNG MINH CHÂU	20/11/2003	Nữ	Ngữ văn	5.00	Sinh học	5.75	Tiếng Anh	6.40		1	17.90
4	41011750	PHAN THÀNH DŨ	05/07/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	8.00	Sinh học	7.25		2	23.70
5	38012714	HỒ LÂM BẢO DUYÊN	03/11/2003	Nữ	Toán	7.20	Sinh học	6.75	Tiếng Anh	8.20		1	22.90
6	63004425	NÔNG ĐỨC DUYỆT	07/04/2002	Nam	Toán	6.20	Hóa học	3.50	Sinh học	4.25	01	1	16.70
7	02016484	BÙI NGUYỄN NHẬT ĐĂNG	09/01/2003	Nam	Toán	7.60	Hóa học	8.00	Sinh học	6.25		3	21.85
8	63005123	NGUYỄN HẢI HÀ	14/02/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.25	Sinh học	4.50		1	21.10
9	40012892	LÊ THỊ HỒNG HẢI	07/04/2003	Nữ	Toán	6.00	Hóa học	7.50	Sinh học	4.50		1	18.75
10	35007529	LÊ VIẾT HẢI	16/04/2003	Nam	Toán	7.40	Hóa học	5.75	Sinh học	5.00		2NT	18.65
11	40000116	NGUYỄN CHÍ HIẾU	13/09/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	5.75	Sinh học	6.00		1	20.10
12	38004307	NGUYỄN DUY HIẾU	22/01/2003	Nam	Toán	6.80	Hóa học	6.00	Sinh học	5.50		1	19.05
13	41011975	NGUYỄN MINH HIẾU	24/10/2003	Nam	Toán	7.80	Hóa học	8.00	Sinh học	7.75		2	23.80
14	40005350	NGUYỄN TRUNG HIẾU	02/03/2003	Nam	Toán	7.60	Vật lí	7.00	Sinh học	6.25		1	21.60
15	39008971	TRẦN GIA HIẾU	22/07/2003	Nam	Toán	7.00	Hóa học	6.50	Sinh học	6.00		2	19.75
16	38002874	TRẦN CÔNG HOÀ	31/08/2003	Nam	Toán	7.40	Hóa học	7.75	Sinh học	7.75		1	23.65
17	63006326	NGUYỄN VĂN HOÀNG	12/10/2003	Nam	Toán	7.40	Hóa học	5.75	Sinh học	6.25		1	20.15
18	40010711	NGUYỄN VĂN HUY HOÀNG	25/05/2003	Nam	Toán	7.00	Hóa học	5.75	Sinh học	7.75		1	21.25
19	38008177	TRỊNH THỊ HỒNG	15/03/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	7.00	Sinh học	4.00		1	18.95
20	63006329	NGUYỄN THỊ HỒNG HUỆ	31/01/2003	Nữ	Toán	8.00	Vật lí	7.75	Sinh học	6.75		1	23.25
21	40008161	HÀ NGUYỄN GIA HUY	22/04/2003	Nam	Toán	7.20	Hóa học	6.75	Sinh học	4.75		1	19.45
22	40016577	LÊ NGÔ CÔNG HUY	02/01/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	6.75	Sinh học	7.75		1	23.65
23	63006528	LÊ VŨ HUYỀN	19/09/2003	Nữ	Toán	7.00	Hóa học	7.50	Sinh học	4.00		1	19.25
24	40015146	NGUYỄN NAM KHÁNH	30/11/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.00	Sinh học	7.25		1	24.40
25	39009397	VÕ ĐỖ TẤN KHOA	19/12/2003	Nam	Toán	7.40	Sinh học	6.00	Tiếng Anh	8.80		2	22.45
26	40014999	VƯƠNG TIẾN KHỞI	14/01/2002	Nam	Toán	7.00	Vật lí	5.75	Sinh học	5.50		1	19.00

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
27	63000531	NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN	02/12/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	6.50	Sinh học	7.50		1	22.55
28	41008722	HUỲNH QUỐC LÂM	13/09/2003	Nam	Toán	7.00	Hóa học	7.50	Sinh học	5.75		2	20.50
29	63004007	PHAN THỊ LINH	25/09/2002	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	5.50	Sinh học	5.25		1	18.30
30	41012199	HUỲNH THỊ BÍCH LY	16/08/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	5.50	Sinh học	4.25		2	17.00
31	38012848	PHẠM THỊ CẨM LY	13/07/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	3.75	Sinh học	4.75		1	16.85
32	40013887	LÊ VĂN MẠNH	17/07/2003	Nam	Toán	6.00	Hóa học	4.75	Sinh học	4.50		1	16.00
33	40015353	PHẠM BÙI ANH MINH	11/05/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	7.75	Sinh học	8.50		1	25.80
34	40010903	PHẠM THỊ HIỀN MY	06/07/2003	Nữ	Toán	6.20	Vật lí	6.50	Sinh học	4.25		1	17.70
35	40010921	LÊ HỒ NAM	01/01/2003	Nam	Toán	6.60	Hóa học	6.25	Sinh học	4.75		1	18.35
36	40015397	LÊ THỊ NAM	19/08/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.00	Sinh học	6.50		1	23.65
37	41008203	VÕ CHẾ MINH NGUYỆT	15/09/2003	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	4.00	Sinh học	6.25		2	17.30
38	41012466	PHẠM VŨ THANH NHÀN	05/05/2003	Nữ	Toán	6.20	Vật lí	6.50	Sinh học	4.00		2	16.95
39	40015840	LÊ HẠNH NHI	26/01/2003	Nữ	Toán	6.80	Vật lí	6.50	Sinh học	5.25		1	19.30
40	38001311	NGUYỄN THẢO NHI	03/09/2003	Nữ	Toán	7.40	Sinh học	4.75	Tiếng Anh	7.60		1	20.50
41	40013954	TRỊNH CHÂU NHI	06/11/2003	Nữ	Toán	6.20	Hóa học	5.50	Sinh học	4.75		1	17.20
42	40004680	NGUYỄN HỒNG NỮ	15/10/2003	Nữ	Toán	9.20	Vật lí	7.75	Sinh học	6.00		1	23.70
43	40016005	ĐOÀN VĂN PHÚC	07/03/2003	Nam	Toán	6.60	Hóa học	7.50	Sinh học	4.75		1	19.60
44	41012554	HUỲNH TẤN PHÚC	27/06/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	7.75	Sinh học	8.00		2	24.60
45	43000342	ĐẶNG ĐỨC PHƯỚC	26/10/2003	Nam	Toán	7.80	Hóa học	7.25	Sinh học	8.00		1	23.80
46	63003103	ĐOÀN QUANG PHƯƠNG	10/01/2003	Nam	Toán	7.00	Vật lí	6.50	Sinh học	6.75		1	21.00
47	40000986	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	11/12/2003	Nữ	Toán	6.20	Hóa học	4.75	Sinh học	6.25		1	17.95
48	40002746	HỒ ANH QUỐC	24/08/2003	Nam	Toán	5.40	Hóa học	5.25	Sinh học	5.75		1	17.15
49	42003786	NGÔ THỊ PHÚ QUÝ	21/12/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	5.75	Sinh học	8.75		1	22.65
50	40000358	ĐỖ NGỌC NHƯ QUYÊN	10/06/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	5.75	Sinh học	7.50		1	21.20
51	63003613	ĐỖ NGỌC XUÂN QUỲNH	28/03/2003	Nữ	Toán	5.20	Hóa học	7.25	Sinh học	5.50		1	18.70
52	63006112	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	26/09/2003	Nữ	Toán	5.60	Hóa học	5.00	Sinh học	4.00		1	15.35
53	40015495	NGUYỄN BÁ SANG	10/09/1996	Nam	Toán	8.00	Hóa học	7.25	Sinh học	6.50	06	1	23.50
54	40003474	PHẠM THỊ TÂM	30/01/2003	Nữ	Toán	6.20	Hóa học	4.75	Sinh học	3.75		1	15.45
55	38002575	TRẦN CÔNG THÀNH	12/08/2003	Nam	Toán	6.80	Vật lí	5.25	Sinh học	5.75		1	18.55
56	42012119	TRẦN THỊ KIM THẠNH	13/12/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	6.25	Sinh học	4.75		1	18.95
57	41012964	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/07/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.00	Sinh học	8.00		2	24.45
58	38004696	TRẦN THỊ THU THẢO	25/01/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	7.00	Sinh học	6.50		1	22.65
59	41007363	NGUYỄN DUY THIÊN	18/06/2003	Nam	Toán	7.60	Hóa học	8.75	Sinh học	7.25		1	24.35
60	40002898	PHẠM THỊ THANH THÙY	20/09/2003	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	6.75	Sinh học	5.50		1	19.80
61	44012432	LÊ THỊ ANH THƯ	24/10/2003	Nữ	Toán	7.00	Hóa học	7.50	Sinh học	7.00		2NT	22.00
62	40007239	NGÔ QUỲNH ANH THƯ	20/03/2003	Nữ	Toán	7.20	Vật lí	5.75	Sinh học	6.50		1	20.20
63	02028262	NGUYỄN HOÀI ANH THƯ	28/11/2003	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	6.75	Sinh học	6.25		2	20.05
64	40009303	ĐỒNG THỊ HOÀI THƯƠNG	24/11/2003	Nữ	Toán	5.40	Hóa học	6.75	Sinh học	4.50		1	17.40

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
65	46002587	ĐOÀN BẢO NGỌC HOÀI THƯƠNG	29/04/2003	Nữ	Toán	5.60	Hóa học	6.50	Sinh học	7.75		2NT	20.35
66	40000460	BÙI TUẤN TIỀN	02/12/2003	Nam	Toán	7.20	Hóa học	5.00	Sinh học	7.25		1	20.20
67	63003658	PHẠM THỊ THỦY TIÊN	03/06/2003	Nữ	Toán	7.00	Hóa học	5.50	Sinh học	5.00		1	18.25
68	40019692	VŨ NGỌC TIẾN	29/06/2003	Nam	Toán	7.80	Sinh học	3.25	Tiếng Anh	7.40		1	19.20
69	39001560	LÊ KHÁNH TÔN	20/09/2003	Nam	Toán	7.60	Hóa học	6.75	Sinh học	7.00		1	22.10
70	63003665	BÙI THỊ TRANG	13/11/2003	Nữ	Toán	7.80	Vật lí	8.50	Sinh học	6.25		1	23.30
71	40011290	LÊ THỊ THÙY TRANG	09/08/2003	Nữ	Toán	6.20	Vật lí	4.50	Sinh học	4.50		1	15.95
72	38007611	TRẦN VÕ HUYỀN TRANG	20/07/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.25	Sinh học	7.50		1	23.10
73	40016193	PHẠM TRUNG TRÍ	14/04/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	7.00	Sinh học	7.00		1	23.15
74	39005205	TRẦN THỊ KIỀU TRINH	30/09/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.25	Sinh học	6.75		2NT	23.50
75	40008402	NGUYỄN NGÔ KHÁNH TRÌNH	31/12/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	9.00	Sinh học	7.75		1	25.90
76	63002651	TRẦN THÀNH TRUNG	24/02/2003	Nam	Ngữ văn	6.25	Sinh học	4.75	Tiếng Anh	5.40		1	17.15
77	63000945	LÝ NGỌC TRƯỜNG	23/12/2003	Nam	Toán	7.00	Hóa học	6.50	Sinh học	6.75	01	1	23.00
78	42005385	NGUYỄN THU UYÊN	04/02/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	7.50	Sinh học	7.50		1	24.15
79	38009318	NGUYỄN TRÀ VINH	01/06/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.00	Sinh học	6.50		1	21.85
80	37003216	ĐẶNG NGUYỄN TRÚC VY	20/08/2003	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	6.75	Sinh học	7.00		2	20.80
**7720101 - Y khoa*													
1	02042754	ĐỖ DUY AN	07/07/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	9.00	Sinh học	8.75		3	26.35
2	40004923	DƯƠNG LAN ANH	25/08/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	9.25	Sinh học	7.75		1	26.35
3	40014282	ĐÀM TRUNG ANH	01/10/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	8.00	01	1	27.65
4	38000140	ĐỒNG ĐỨC ANH	01/09/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.00	Sinh học	9.00		1	26.15
5	45004388	HOÀNG HỒNG ANH	31/10/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.25	Sinh học	9.00		2	26.50
6	40017962	LÂM NGỌC QUỲNH ANH	06/07/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.25	Sinh học	9.00		1	26.00
7	41011629	NGÔ THỊ LAN ANH	23/11/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.75	Sinh học	8.50		2	26.10
8	40014355	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	27/01/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		1	26.65
9	40004954	NGUYỄN THỊ KIM ANH	21/04/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.00	Sinh học	8.75		1	26.10
10	38005818	NGUYỄN TRẦN HỒNG ANH	22/09/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	8.00	Sinh học	9.25		1	26.20
11	40018027	NGUYỄN GIA BẢO	30/04/2003	Nam	Toán	9.20	Hóa học	8.00	Sinh học	8.75		1	26.70
12	45000850	ĐẠO TRỌNG BÌNH	23/03/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.00	Sinh học	7.25	01	2NT	26.35
13	40010282	NGUYỄN VĂN BÌNH	21/05/2002	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.75	Sinh học	9.00		1	26.90
14	40018054	PHẠM THỊ NHƯ BÌNH	15/01/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	9.00	Sinh học	8.25		1	26.60
15	42008093	K' BROAI	20/11/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	7.50	Sinh học	8.00	01	1	26.45
16	42001580	NGUYỄN QUỐC BỬU	20/09/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	8.50		1	26.15
17	40018064	ĐỖ THANH CAO	25/12/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.75	Sinh học	8.75		1	26.65
18	38004461	RCOM NAY CAROLINE	21/10/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.25	Sinh học	8.00	01	1	26.00
19	45002815	PHAN THÀNH DANH	16/10/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.75	Sinh học	8.25		2	26.05
20	63003790	NGUYỄN HỒNG DIỄM	29/11/2002	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.75	Sinh học	7.75	01	1	26.25
21	42011128	NGUYỄN VĂN NGỌC DU	01/10/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	7.75	Sinh học	9.75		1	26.65

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
22	39008406	ĐẶNG THANH DUY	06/05/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.75	Sinh học	8.75		2	26.55
23	39004982	LÊ PHƯƠNG THÙY DUYÊN	01/03/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.75	Sinh học	8.75		2NT	26.20
24	40016362	NGUYỄN THÙY DUYÊN	29/11/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.50	Sinh học	8.00		1	26.25
25	35012205	VÕ THỊ MỸ DUYÊN	04/06/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		2	26.35
26	40016370	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	29/11/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.25	Sinh học	8.00		1	26.00
27	40001289	THÂM THỊ THÙY DƯƠNG	03/10/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.50	Sinh học	7.25	01	1	26.30
28	40003146	TRẦN LÊ THÙY DƯƠNG	11/03/2003	Nữ	Toán	9.20	Hóa học	7.75	Sinh học	8.75		1	26.45
29	39008860	VŨ HẢI DƯƠNG	26/12/2003	Nam	Toán	9.20	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		2	26.95
30	43006993	HOÀNG THỊ ANH ĐÀO	04/12/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.50	Sinh học	8.50	01	1	26.15
31	40005170	NGUYỄN TẤN ĐẠT	07/05/2002	Nam	Toán	9.40	Hóa học	8.50	Sinh học	8.25		1	26.90
32	41010571	PHÙNG TIẾN ĐẠT	07/02/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	8.75	Sinh học	8.50		2	26.50
33	47007189	ĐẶNG NHẬT ĐĂNG	13/07/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	9.00	Sinh học	8.00		2	26.25
34	40000071	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	19/10/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	9.25	Sinh học	8.00		1	26.40
35	38008876	NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP	19/04/2002	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.25	Sinh học	8.50		1	26.30
36	40018194	ĐẶNG ĐỒNG ĐÔ	02/03/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.25	Sinh học	8.50		1	26.30
37	45004917	ĐỖNG NỮ THÙY GIANG	19/04/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.75	Sinh học	8.50	01	1	28.60
38	42013383	MA THỊ HỒNG GIANG	21/03/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.00	Sinh học	7.25	01	1	26.60
39	42010195	TRẦN THỊ THÙY GIANG	02/10/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.75	Sinh học	9.00		1	26.30
40	42005498	K' HÀ	13/09/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.25	Sinh học	7.25	01	1	26.25
41	63001040	HOÀNG THỊ HẠ	01/10/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.50	Sinh học	7.75	01	1	26.80
42	04001935	LÊ PHÚC HẢI	08/03/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.25	Sinh học	9.25		3	26.10
43	40018239	NGUYỄN MINH HẠNH	29/09/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	9.25		1	26.45
44	39002440	HỒ THỊ HẰNG	09/07/2002	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	9.50		1	26.70
45	63002767	HOÀNG THỊ THU HẰNG	15/07/2003	Nữ	Toán	9.20	Hóa học	9.25	Sinh học	9.00		1	28.20
46	41011905	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	09/05/2002	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.75	Sinh học	9.00		2	26.40
47	40005324	TRIỆU THỊ MAI HIÊN	08/11/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.25	Sinh học	7.25	01	1	27.05
48	47001819	ĐÀO THỊ THANH HIỀN	01/08/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.00	Sinh học	8.50		1	26.25
49	40019561	NGUYỄN THỊ THẢO HIỀN	25/08/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.50	Sinh học	8.75		1	26.20
50	42003748	NGỌ MINH HIẾU	17/06/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		1	26.85
51	39002463	LÊ THANH HOÀI	02/11/2001	Nam	Toán	7.80	Hóa học	8.50	Sinh học	7.50	01	1	26.55
52	40016514	LÝ DƯƠNG HUY HOÀNG	24/03/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	7.25	Sinh học	7.75	01	1	26.35
53	40007535	PHẠM VĂN HOÀNG	25/02/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	8.50	Sinh học	7.75		1	26.00
54	34011089	TRƯƠNG LÊ KHÁNH HOÀNG	24/09/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.75	Sinh học	8.75		2	26.15
55	39009280	DƯƠNG LƯU QUỐC HỌC	20/09/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		2	26.35
56	42001719	XI GŨR M' HỐI	11/02/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.25	Sinh học	7.25	01	1	26.65
57	39008615	NGUYỄN THỊ PHÚC HỢP	05/07/1996	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	7.75	Sinh học	9.00		2	26.00
58	40008145	TRẦN TIẾN HUÂN	02/10/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	9.50		1	27.15
59	40012970	NGUYỄN THỊ HUỆ	09/03/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	8.50		1	26.15

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
60	35000559	NGUYỄN THANH HUỆ	30/06/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.75	Sinh học	8.50		2NT	26.15
61	50009650	TRẦN THỊ NGỌC HUỆ	13/06/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	9.25		2NT	26.20
62	48007102	ĐÀM ĐỨC HUY	10/02/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.00	Sinh học	9.25		2	26.30
63	46006892	LÊ QUỐC HUY	20/09/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.25	Sinh học	9.25		1	26.65
64	44001483	NGUYỄN PHÚC HUY	06/01/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.75	Sinh học	8.00		1	26.30
65	41012061	NGUYỄN QUANG HUY	16/04/2003	Nam	Toán	9.40	Hóa học	8.00	Sinh học	8.75		2	26.40
66	38012804	TRẦN BẠCH GIA HUY	28/03/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	8.50		1	26.15
67	34011842	TRƯƠNG QUANG HUY	29/05/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	8.50	06	2	26.20
68	63002803	HỒ THỊ THANH HUYỀN	24/02/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.25	Sinh học	8.75		1	26.15
69	40008176	HÀ THỊ MỸ HUYỀN	09/12/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.75	Sinh học	9.00		1	26.50
70	40005803	LÊ THỊ THANH HUYỀN	02/07/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.25	Sinh học	8.75		1	26.15
71	35003393	TRƯƠNG THỊ MINH HUYỀN	11/03/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	9.25	Sinh học	8.25		2	26.55
72	45003223	ĐÀNG THUẬN HƯNG	05/06/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	7.50	01	2	26.20
73	38005661	NGUYỄN QUANG HƯNG	13/09/2003	Nam	Toán	9.20	Hóa học	8.00	Sinh học	8.50		1	26.45
74	34002163	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	13/07/2003	Nữ	Toán	9.60	Hóa học	8.25	Sinh học	8.25		2	26.35
75	45005193	CHÂU THỊ BÍCH HƯỜNG	15/02/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.50	Sinh học	7.25	01	1	26.70
76	42002361	HUỲNH BẢO KHANG	12/07/2003	Nam	Toán	7.60	Hóa học	7.50	Sinh học	8.25	01	1	26.10
77	40015139	NGUYỄN BẢO KHANG	18/09/2003	Nam	Toán	9.40	Hóa học	7.75	Sinh học	8.25		1	26.15
78	40015140	BÙI BẢO KHANH NIÊ	24/05/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.50	Sinh học	8.00	01	1	26.05
79	38002930	ĐỖ QUỐC KHANH	25/02/2003	Nam	Toán	9.20	Hóa học	8.50	Sinh học	7.75		1	26.20
80	02077480	NGÔ CÔNG KHANH	19/05/2000	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	8.50		1	26.15
81	39009371	BÙI VÂN KHÁNH	14/12/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.00	Sinh học	9.25		2	26.10
82	36000801	NGUYỄN HỮU KHÁNH	01/07/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	8.00	Sinh học	8.75		1	26.50
83	02043806	NGUYỄN TRÌNH KHIÊM	02/12/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	8.75		1	26.40
84	40004400	PHAN TUẤN KIỆT	12/05/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.25	Sinh học	8.50		1	26.10
85	35009194	NGUYỄN THỊ KIỀU	01/05/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.00	Sinh học	9.25		2NT	26.55
86	40018829	NGÔ THỊ NGỌC LAN	28/01/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.75	Sinh học	8.75		1	26.65
87	40009840	NGUYỄN THỊ LINH	12/06/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.25	Sinh học	8.25		1	26.25
88	02044200	NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG LINH	22/07/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.75	Sinh học	9.50		3	27.25
89	40000833	VI TRẦN NGỌC LINH	21/07/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.25	Sinh học	8.25	01	1	27.05
90	45005248	ĐẠT PHÚC LỘC	16/04/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	7.75	Sinh học	7.75	01	1	26.45
91	42006858	MAI LY	25/05/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.00	Sinh học	7.75	01	1	26.90
92	35003511	NGUYỄN HƯƠNG LY	18/07/2002	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.50	Sinh học	9.25		2	26.20
93	42006859	PHẠM THỊ CẨM LY	04/07/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.25	Sinh học	9.00		1	26.00
94	35011108	BÙI THỊ XUÂN MAI	16/02/2003	Nữ	Toán	9.40	Hóa học	8.00	Sinh học	8.75		2	26.40
95	40017411	NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	01/08/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	9.00	Sinh học	7.75		1	26.30
96	41008792	VÕ PHÚC HOÀNG MAI	25/03/2002	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.75	Sinh học	9.50		2	26.50
97	41008122	PHẠM THỊ LƯƠNG MINH	16/03/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	7.75	Sinh học	10.00		2	26.60

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
98	37012071	NGUYỄN THỊ MƠ	23/11/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.25	Sinh học	9.00		2NT	26.35
99	02074109	TRƯƠNG HOÀI NAM	27/09/1993	Nam	Toán	8.00	Hóa học	8.50	Sinh học	8.25	06	1	26.50
100	37012088	HUỲNH THỊ THANH NGA	08/03/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.00	Sinh học	9.25		2NT	26.35
101	42001858	NGUYỄN HUỲNH KIM NGA	03/06/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		1	26.25
102	35005877	TRẦN LÊ BÍCH NGÀ	29/04/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	7.75	Sinh học	9.00		1	26.10
103	44007707	LÊ THỊ KIM NGÂN	12/08/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	9.00	Sinh học	8.75		2	26.80
104	02044401	NGUYỄN ĐINH CHÂU NGÂN	18/11/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.75	Sinh học	9.25		3	26.80
105	40004129	HUỲNH HỒNG NGỌC	22/04/2002	Nam	Toán	8.80	Hóa học	9.00	Sinh học	8.25		1	26.80
106	63004088	NÔNG THỊ BÍCH NGỌC	25/01/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	7.75	Sinh học	8.00	01	1	27.10
107	38006659	BÙI THỊ HƯƠNG NGUYÊN	07/05/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		1	26.25
108	35003581	ĐINH CAO HOÀNG NGUYÊN	08/07/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	8.00	Sinh học	9.00		2	26.25
109	45003725	NGUYỄN VƯƠNG DÃ NGUYỆT	26/11/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	9.00	Sinh học	8.25		2	26.30
110	37006321	NGUYỄN XUÂN NGUYỆT	24/04/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	9.00	Sinh học	8.00		2	26.05
111	35001917	PHẠM THỊ HỒNG NGỰ	27/12/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	9.25	Sinh học	7.75		2NT	26.30
112	37001648	PHÙNG LÊ TOÀN NHÂN	21/04/2002	Nam	Toán	8.60	Hóa học	7.75	Sinh học	9.25		2NT	26.10
113	37017316	HUỲNH NHI	25/12/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.75	Sinh học	7.75		1	26.25
114	40015843	LÊ THỊ TUYẾT NHI	31/05/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.75	Sinh học	8.00		1	26.10
115	35011216	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	06/09/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.75	Sinh học	8.25		2	26.05
116	40002640	TRƯƠNG TUYẾT NHI	16/09/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	9.00	Sinh học	8.50		1	26.45
117	38011898	RMAH H' NHUIN	16/02/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	7.75	Sinh học	7.50	01	1	26.20
118	35000751	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	28/02/2002	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.75	Sinh học	7.75		1	26.25
119	40015893	PHẠM HOÀNG NHUNG	12/11/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.75	Sinh học	8.75		1	26.85
120	37014472	VÕ HỒNG NHUNG	11/09/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.00	Sinh học	9.25		1	26.00
121	43006032	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	10/02/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	9.00	Sinh học	8.00		1	26.75
122	40017593	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	01/11/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	9.00	Sinh học	9.00		1	27.15
123	40000316	H' NUT BYĂ	24/03/2002	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.00	Sinh học	8.00	01	1	26.55
124	37015299	NGUYỄN TẤN PHÁT	10/05/2003	Nam	Toán	9.20	Hóa học	8.50	Sinh học	8.00		2NT	26.20
125	63003091	HOÀNG THỊ PHÚ	06/06/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	7.50	Sinh học	9.00		1	26.25
126	37001724	NGÔ THANH PHƯƠNG	09/05/1999	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.50	Sinh học	8.25		1	26.10
127	38013943	PHẠM THỊ TRÚC PHƯƠNG	10/11/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	7.75	Sinh học	8.75		1	26.25
128	42006945	VŨ NGUYỄN MAI PHƯƠNG	02/11/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	9.00	Sinh học	8.50		1	26.05
129	37004031	NGUYỄN THỊ THANH PHƯỢNG	30/06/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.00	Sinh học	8.50		1	26.25
130	40019118	PHẠM HỮU QUANG	17/04/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.50	Sinh học	8.25		1	26.30
131	40017016	VŨ NGUYỄN MINH QUÂN	16/10/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	9.00	Sinh học	9.25		1	28.00
132	40007125	NGUYỄN PHÚ QUÝ	23/05/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	8.75	Sinh học	8.75		1	26.45
133	47007467	LÊ GIA QUYÊN	06/05/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	9.00	Sinh học	9.50		2	26.75
134	41009886	TRẦN NGUYỄN NGỌC QUYÊN	14/05/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	7.50	Sinh học	9.50		2	26.05
135	42008768	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	05/12/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.75	Sinh học	9.00		1	26.50

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
136	48000965	PHẠM VĂN SANG	11/12/2002	Nam	Toán	9.20	Hóa học	8.25	Sinh học	8.50		2	26.20
137	42902062	ĐÀNG TRƯỜNG SƠN	11/02/2003	Nam	Toán	8.00	Hóa học	8.25	Sinh học	8.00	01	2NT	26.75
138	36001016	VĂN ĐỨC TRƯỜNG SƠN	21/11/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.25	Sinh học	8.75		1	26.55
139	43001543	DƯƠNG THỊ MAI SƯƠNG	31/08/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.00	Sinh học	8.50		1	26.25
140	40003477	VÕ THỊ MINH TÂM	29/10/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.25	Sinh học	8.50		1	26.10
141	02044740	DIỆP QUANG THÁI	02/02/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	9.00	Sinh học	8.75		3	26.55
142	40004824	HỒ DUY THÁI	27/12/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.75	Sinh học	8.25		1	26.15
143	40015500	SÙNG A THÁI	05/10/2001	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.25	Sinh học	7.25	01	1	26.85
144	58006234	LÂM THANH THANH	21/12/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.25	Sinh học	7.50	01	1	26.10
145	40002805	TRỊNH HÀ THANH	08/10/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	7.50	Sinh học	8.75	01	1	27.20
146	39007981	LÊ MINH THÀNH	15/06/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.25	Sinh học	9.00		2	26.30
147	35003723	PHAN NGUYỄN DUY THÀNH	10/01/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		2	26.35
148	40017743	HUỲNH DẠ THẢO	06/09/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.75	Sinh học	8.75		1	26.25
149	34003875	NGUYỄN THỊ HỒNG THẢO	28/02/2002	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	9.25	Sinh học	8.00		2	26.30
150	40014089	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	10/03/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.00	Sinh học	8.50		1	26.05
151	63000706	PHẠM THỊ THU THẢO	10/07/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.00	Sinh học	9.00		1	26.55
152	63004885	TRẦN THU THẢO	01/02/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.25	Sinh học	8.75		1	26.55
153	40017239	H THẮM NIÊ	06/01/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.25	Sinh học	8.00	01	1	26.00
154	42008458	KA THẦN	26/09/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.75	Sinh học	7.75	01	1	26.25
155	38012409	PHẠM THỊ THÊM	12/04/2002	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	9.00	Sinh học	10.00		1	27.15
156	40017756	VĂN LÊ THI THI	14/08/2003	Nữ	Toán	9.60	Hóa học	9.00	Sinh học	9.25		1	28.60
157	40015506	VÕ THUẬN BÌNH THI	24/11/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.50	Sinh học	8.25		1	26.10
158	45005042	QUÃNG NGỌC PHÚC THỊNH	18/04/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.00	Sinh học	8.00	01	1	26.55
159	34014291	VÕ NGUYÊN THỊNH	27/01/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.75	Sinh học	8.50		1	26.40
160	36000463	NGUYỄN DUY THÔNG	22/07/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	8.75	Sinh học	9.25		1	26.95
161	02052197	LÊ VÕ THU	01/01/1992	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.75	Sinh học	8.50		2NT	26.55
162	39010757	BÙI LƯU THÙY	16/05/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	9.00	Sinh học	8.25		2	26.10
163	37008377	HUỲNH THỊ MAI THÙY	19/11/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	7.75	Sinh học	8.75		1	26.05
164	29000775	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	07/12/2002	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.50	Sinh học	9.50		1	26.35
165	40016122	ĐỖ LÊ MINH THƯ	05/12/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.50	Sinh học	8.25		1	26.50
166	43001624	HOÀNG NGỌC MINH THƯ	17/11/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.00	Sinh học	10.00		1	26.95
167	48012787	LƯU THỊ MINH THƯ	16/04/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.50	Sinh học	9.25		2NT	26.25
168	45005073	NẠI HOÀNG ANH THƯ	23/10/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.75	Sinh học	8.50	01	1	27.00
169	42002058	TAM BỘ THƯ	08/09/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.75	Sinh học	8.50	01	1	26.80
170	34001857	NGÔ CÔNG THƯỞNG	10/02/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.50	Sinh học	8.50		2	26.05
171	42013875	ĐIỀU THỊ TIỆC	20/07/2002	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.75	Sinh học	7.75	01	1	27.05
172	43000452	LÊ THỊ THỦY TIÊN	13/05/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		1	26.45
173	40007258	NGUYỄN TẤN TIẾN	24/02/2003	Nam	Toán	7.80	Hóa học	8.25	Sinh học	9.75		1	26.55

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
174	38009248	CHU QUỐC TOÀN	04/10/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	8.50	Sinh học	8.00		1	26.25
175	40013410	HỒ THANH TOÀN	25/09/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.25	Sinh học	8.50		1	26.10
176	40002947	ĐẶNG NGỌC HUYỀN TRANG	16/09/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.50	Sinh học	9.00		1	26.05
177	40016162	LÊ NGUYỄN THÙY TRANG	05/11/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.75	Sinh học	9.25		1	27.15
178	63006176	LÊ THỊ QUỲNH TRANG	20/10/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.75	Sinh học	7.75		1	26.25
179	38012446	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	20/05/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.50	Sinh học	8.25		1	26.10
180	63006182	PHẠM THỊ THÙY TRANG	09/11/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	7.75	01	1	26.95
181	40017871	TRẦN THU TRANG	24/06/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.75	Sinh học	7.75		1	26.25
182	63004976	TRỊNH THỊ THU TRANG	01/09/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.50	Sinh học	8.75		1	26.20
183	35009920	NGUYỄN PHAN KHÁNH TRÂM	19/08/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.50	Sinh học	8.75		2NT	26.35
184	45001129	THÀNH NGỌC HUYỀN TRÂM	03/10/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.00	Sinh học	7.25	01	1	26.40
185	63003672	HUỲNH THỊ HUYỀN TRÂN	19/05/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.50	Sinh học	8.50		1	26.75
186	55010075	NGUYỄN THỊ HUẾ TRÂN	07/09/1999	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	9.50		2NT	26.90
187	02043356	PHÙNG BẢO TRÂN	15/05/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	9.25	Sinh học	8.50		3	26.55
188	54005524	DANH MINH TRÍ	21/02/2003	Nam	Toán	8.00	Hóa học	8.25	Sinh học	7.75	01	1	26.75
189	40017893	NGUYỄN HỮU MINH TRÍ	03/10/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	8.75	Sinh học	8.00		1	26.50
190	52002352	VÕ THIỆN TRÍ	23/07/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	8.00	Sinh học	9.00		2	26.25
191	52012747	VÕ XUÂN TRÍ	22/10/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	9.25		1	26.45
192	35009932	LÊ PHAN HẢI TRIỀU	28/09/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.25	Sinh học	8.75		2NT	26.10
193	38013998	LÊ THỊ THU TRINH	19/01/2002	Nữ	Toán	9.20	Hóa học	8.50	Sinh học	8.75		1	27.20
194	40019755	NGUYỄN NGỌC ĐOAN TRINH	26/07/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.00	Sinh học	9.25		1	26.40
195	40016204	NGÔ THỊ THANH TRÚC	19/02/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.00	Sinh học	8.75		1	26.30
196	40000496	NGUYỄN THANH TRÚC	10/05/2002	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	9.25		1	26.45
197	40017920	NGUYỄN QUỐC TRUNG	10/09/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	9.50	Sinh học	8.75		1	27.60
198	34003600	HỒ QUANG TRƯỜNG	22/03/2002	Nam	Toán	9.00	Hóa học	8.25	Sinh học	9.00		2	26.50
199	36001524	LƯƠNG PHAN CHÍ TRƯỜNG	20/10/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	8.75		1	26.40
200	02089090	LÊ TRỌNG TÚ	11/10/2003	Nam	Toán	9.00	Hóa học	9.00	Sinh học	8.50		3	26.50
201	36000535	NGUYỄN BÙI ANH TÚ	26/01/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	7.50	Sinh học	9.00		1	26.05
202	37006481	BÙI QUỐC TUẤN	18/09/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	9.00	Sinh học	8.50		2	26.35
203	35008723	PHẠM THỊ THANH TUYỀN	06/12/2003	Nữ	Toán	9.20	Hóa học	8.75	Sinh học	8.25		2	26.45
204	45005510	TRƯỢNG THỊ ÁNH TUYẾT	23/04/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	7.75	Sinh học	6.75	01	1	26.05
205	47005816	THÔNG THỊ ÚT	10/02/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	7.50	Sinh học	8.00	01	1	26.45
206	42011674	LÊ BẢO CÁT UYÊN	19/05/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.00	Sinh học	9.00		1	26.15
207	40017293	LÊ THỊ THU UYÊN	30/11/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.25	Sinh học	8.75		1	26.35
208	48023599	TRẦN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	25/07/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	7.75	Sinh học	9.00		1	26.30
209	02043509	TRẦN NHÃ UYÊN	21/08/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	9.00	Sinh học	8.50		3	26.30
210	39009192	VÕ NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	24/12/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	9.75		2	26.45
211	47005580	VÕ PHƯƠNG UYÊN	13/08/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	9.00	Sinh học	8.75		2NT	26.65

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
212	47002248	ĐOÀN NHẤT HÀ VI	10/04/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	8.25	Sinh học	7.50	01	1	26.50
213	39004038	VÕ NGỌC TƯỜNG VI	17/09/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	7.75	Sinh học	8.75		2NT	26.00
214	47009424	CHÂU QUỐC VIỆT	01/01/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	8.50	Sinh học	8.75		1	26.60
215	42001500	LÊ HOÀNG VIỆT	13/06/2003	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.75	Sinh học	8.00		1	26.30
216	41002851	ĐỖ NGUYỄN TƯỜNG VY	11/11/2002	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.00	Sinh học	8.75		2NT	26.05
217	39002021	HUỲNH NGỌC VY	30/09/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.50	Sinh học	8.00		2NT	26.00
218	37006982	PHAN THỊ THẢO VY	13/11/2003	Nữ	Toán	9.40	Hóa học	8.00	Sinh học	8.50		2	26.15
219	45001186	THÀNH NỮ HÀ VY	08/03/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.50	Sinh học	7.50	01	2NT	26.10
220	48018972	LÝ VÂN Ỳ	30/10/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.50	Sinh học	6.75	01	1	26.40
221	54006501	DANH BÙI NHƯ Ý	09/04/2002	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	7.00	01	1	26.20
222	63000434	PHAN KIM NHƯ Ý	27/05/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.50	Sinh học	8.75		1	26.20
223	34012181	PHAN VĂN YÊN	16/09/2002	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.00	Sinh học	9.00		1	26.15
224	40007864	LÊ HẢI YẾN	10/06/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.25	Sinh học	8.75		1	26.55
225	40017931	NGUYỄN NGỌC BẢO YẾN	02/02/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	7.75	Sinh học	9.25		1	26.55
226	36000570	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	10/04/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	7.50	Sinh học	9.50		1	26.55
227	45003600	PHẠM THỊ KIM YẾN	15/10/2003	Nữ	Toán	9.00	Hóa học	8.50	Sinh học	8.50		2	26.25
**7720301 - Điều dưỡng*													
1	41007457	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	13/02/2002	Nữ	Toán	7.20	Hóa học	8.00	Sinh học	7.75		2	23.20
2	40007418	TÔN QUỲNH ANH	12/11/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.25	Sinh học	7.00		1	22.40
3	63000059	VÕ THỊ NGỌC ANH	26/05/2003	Nữ	Toán	7.00	Hóa học	7.50	Sinh học	6.50		1	21.75
4	38012064	KSOR H' CHANG	20/02/2003	Nữ	Toán	7.20	Hóa học	7.75	Sinh học	6.25	01	1	23.95
5	40001788	VŨ HỒ MAI CHI	22/01/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	6.75		1	23.95
6	45002835	LÊ ĐẶNG BẢO DOANH	10/07/2003	Nữ	Toán	7.20	Hóa học	7.00	Sinh học	7.25		2	21.70
7	40000084	LƯƠNG THỊ THANH HÀ	28/08/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.75	Sinh học	7.25		1	23.15
8	39008609	TRẦN THỊ BÍCH HOA	13/02/2002	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.75	Sinh học	8.00		2	23.60
9	38013201	ĐINH CÔNG HOÁN	25/10/2003	Nam	Toán	7.40	Hóa học	8.00	Sinh học	4.50	01	1	22.65
10	45005179	VẠN THỊ KIM HỒNG	06/04/2003	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	5.75	Sinh học	7.25	01	1	22.55
11	43007031	TRƯƠNG THỊ NGỌC HUYỀN	13/01/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.00	Sinh học	6.00	01	1	23.15
12	48009911	ĐỖ HUY HƯNG	16/02/2003	Nam	Toán	7.40	Hóa học	7.50	Sinh học	7.00		2	22.15
13	39006879	VÕ THỊNH HƯNG	22/12/2003	Nam	Toán	7.60	Hóa học	7.25	Sinh học	6.25		2NT	21.60
14	42008681	KA LY SƠN HY	28/06/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	6.00	Sinh học	6.75	01	1	22.90
15	38004327	KSOR KROANG	20/05/2003	Nam	Toán	7.60	Hóa học	8.00	Sinh học	6.00	01	1	24.35
16	38011808	RMAH LAI	16/02/2001	Nam	Toán	7.60	Hóa học	5.75	Sinh học	5.50	01	1	21.60
17	42013768	KA MỸ LINH	03/03/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.25	Sinh học	5.75	01	1	23.75
18	40010846	PHAN THỊ LỢI	07/09/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	7.75	Sinh học	7.50		1	24.80
19	42006856	K' LUỆ	15/10/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.00	Sinh học	7.50	01	1	25.05
20	63000619	KIM NGỌC PHƯƠNG MAI	25/08/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.75	Sinh học	8.75		1	25.25
21	38011434	LÊ THỊ TUYẾT MAI	19/04/2003	Nữ	Toán	7.00	Hóa học	8.00	Sinh học	6.25		1	22.00

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
22	38001876	NGUYỄN TUYẾT XUÂN MAI	14/08/2003	Nữ	Toán	7.20	Hóa học	7.75	Sinh học	7.50		1	23.20
23	63004688	VI THỊ THÚY MẬN	25/12/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	6.75	Sinh học	6.25	01	1	23.75
24	38011861	RAHLAN H' MUANH	02/03/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	6.75	Sinh học	6.00	01	1	23.10
25	41001606	NGUYỄN VŨ BẢO NGÂN	17/12/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.00	Sinh học	8.00		2	23.85
26	47001971	LÊ NỮ BÍCH NGỌC	20/09/2003	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	8.00	Sinh học	4.50	01	1	22.05
27	42006919	NGUYỄN NGỌC NHI	07/07/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.00	Sinh học	7.75		1	23.10
28	42001913	K' NHUNG	18/03/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.00	Sinh học	7.00	01	1	24.35
29	38013314	KSOR H' NHUNG	15/10/2002	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.25	Sinh học	7.25	01	1	25.25
30	40002644	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	15/09/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.75	Sinh học	5.50		1	21.80
31	38004087	KPĂ H' NƯƠNG	02/03/2003	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	5.75	Sinh học	6.25	01	1	21.55
32	63002010	PHẠM THỊ ĐIỆP OANH	29/09/2003	Nữ	Toán	7.20	Hóa học	7.75	Sinh học	7.00		1	22.70
33	40004690	LA ĐỨC PHONG	09/03/2002	Nam	Toán	7.40	Hóa học	8.00	Sinh học	7.75	01	1	25.90
34	40001548	ĐÀO THỊ BÍCH PHƯỢNG	24/10/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	6.25	Sinh học	6.50		1	21.70
35	42014173	VƯƠNG THỊ PHƯỢNG	31/01/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	5.50	Sinh học	5.25	01	1	21.70
36	40006333	H RIM AYŨN	08/02/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.00	Sinh học	6.25	01	1	23.80
37	42001993	PHI SRÔN SUNG	12/10/2003	Nam	Toán	8.00	Hóa học	7.00	Sinh học	7.75	01	1	25.50
38	38011940	RAH LAN H' TAN	29/06/2003	Nữ	Toán	6.40	Hóa học	6.50	Sinh học	6.00	01	1	21.65
39	38003159	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	28/03/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	6.75	Sinh học	7.00		1	22.30
40	40007212	LÊ HỒ THÚY THỊNH	10/07/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	7.50	Sinh học	6.00		1	22.65
41	38008462	LÊ THÁI THÔNG	14/03/2003	Nam	Toán	7.80	Hóa học	7.25	Sinh học	7.25		1	23.05
42	43007144	ĐIỂU THỊ NGỌC TRÂM	30/01/2003	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	6.75	Sinh học	7.00	01	1	23.30
43	40007291	ĐẶNG THỊ BẢO TRÂM	06/02/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	6.75	Sinh học	7.50		1	22.60
44	38011979	NGUYỄN NGỌC TRÂM	01/11/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	6.75	Sinh học	6.50		1	21.60
45	40006613	VÕ THỊ MỸ TRÂM	27/07/2003	Nữ	Toán	6.80	Hóa học	7.00	Sinh học	8.00		1	22.55
46	42007587	NGUYỄN ANH TUẤN	23/04/2003	Nam	Toán	7.80	Hóa học	7.50	Sinh học	7.00		1	23.05
47	63006235	TÔ THỊ HỒNG VÂN	02/11/2003	Nữ	Toán	7.20	Hóa học	7.50	Sinh học	6.75		1	22.20
48	46007189	ĐINH THỊ TƯỜNG VI	28/12/2003	Nữ	Toán	8.60	Hóa học	8.00	Sinh học	7.75		1	25.10
49	63005056	TRÀ THỊ MỸ VIỆT	20/08/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	6.25	Sinh học	6.25		1	21.65
**7720601 - Kỹ thuật xét nghiệm y học*													
1	40003657	BÙI THỊ TRÂM ANH	18/04/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.25	Sinh học	6.75		1	23.55
2	38001012	PHAN NGUYỆT ÁNH	23/10/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.75	Sinh học	7.50		1	23.80
3	40011509	ĐẶNG DUY BÌNH	23/04/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	7.25	Sinh học	7.50		1	23.70
4	47001760	BÁ VĂN CÔNG	14/10/2003	Nam	Toán	6.80	Hóa học	8.00	Sinh học	6.75	01	1	24.30
5	38009362	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	22/10/2003	Nam	Toán	7.60	Hóa học	7.75	Sinh học	6.75		1	22.85
6	38012078	NAY H' BIT DU	13/06/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.25	Sinh học	7.25	01	1	24.85
7	40019420	BÙI THỊ THÙY DUNG	05/02/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	8.25	Sinh học	6.75		1	23.15
8	45004921	HÁN THỊ HOÀNG GIAO	01/02/2003	Nữ	Toán	7.20	Hóa học	6.50	Sinh học	6.25	01	1	22.70
9	40000088	XA THỊ NHƯ HÀ	27/10/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	8.25	Sinh học	7.50		1	25.30

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
10	40003235	HOÀNG THỊ MỸ HẠNH	21/03/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.00	Sinh học	6.50		1	23.45
11	40003947	ĐỒNG THỊ HIỀN	03/08/2003	Nữ	Toán	6.60	Hóa học	9.00	Sinh học	7.25		1	23.60
12	40019557	NGÔ THÚY HIỀN	29/04/2003	Nữ	Toán	7.00	Hóa học	8.25	Sinh học	6.75		1	22.75
13	44006954	TRẦN MINH HIẾU	02/04/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	7.50	Sinh học	6.75		2	22.70
14	39001774	NGUYỄN THỊ MINH HOÀN	26/12/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.00	Sinh học	7.25		2NT	23.35
15	42002321	NGUYỄN VĂN HOÀNG	29/04/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	7.25	Sinh học	6.75		1	22.95
16	40016587	NGUYỄN ĐỨC HUY	02/08/2003	Nam	Toán	7.60	Hóa học	8.00	Sinh học	6.50		1	22.85
17	40005463	HỒ LÂM HUYỀN	22/04/1996	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	6.75	Sinh học	7.00		1	23.30
18	45005189	PHÚ NGỌC HUỲNH	12/03/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	7.75	Sinh học	6.50	01	1	25.20
19	38011788	TĂNG THỊ KIM HƯƠNG	18/11/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	9.50	Sinh học	5.50		1	23.15
20	02027319	HOÀNG TUẤN KHẢI	07/10/2003	Nam	Toán	8.20	Hóa học	7.75	Sinh học	7.50		3	23.45
21	38013564	HOÀNG THIÊN KIM KHÁNH	05/10/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	6.75	Sinh học	7.75		1	22.65
22	02043832	NGUYỄN ĐẶNG MINH KHÔI	02/03/2003	Nam	Toán	8.60	Hóa học	7.50	Sinh học	7.50		3	23.60
23	38001831	ĐỒNG THỊ PHƯƠNG LAM	06/06/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	7.00	Sinh học	7.75		1	23.70
24	41002251	LÊ THỊ THÙY LINH	23/09/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.75	Sinh học	6.75		1	22.65
25	40018866	TRƯƠNG HOÀNG THỤC LINH	27/03/2003	Nữ	Toán	8.00	Hóa học	7.25	Sinh học	7.00		1	23.00
26	40008506	H' MAT KTLA	08/01/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.25	Sinh học	6.00	01	1	25.20
27	40010899	HÀ HỒ TRÀ MY	11/07/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.25	Sinh học	7.25		1	23.85
28	46005902	LÊ THÁI KIỀU MY	04/12/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	8.00	Sinh học	6.75		2NT	23.45
29	40000898	NGUYỄN VĂN NAM	15/03/2003	Nam	Toán	8.00	Hóa học	7.75	Sinh học	6.50		1	23.00
30	42005069	KA SĂ MY NE	01/08/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.50	Sinh học	7.75	01	1	25.40
31	63002974	LỤC THÚY NGA	30/06/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	7.25	Sinh học	7.50	01	1	25.70
32	37011599	NGUYỄN THỊ THÚY NGA	22/06/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	6.25	Sinh học	7.50		2NT	22.65
33	40012319	NGUYỄN THANH NGA	15/10/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.00	Sinh học	7.25		1	22.80
34	38001912	NGUYỄN KIỀU NGÂN	07/05/2003	Nữ	Toán	7.20	Hóa học	7.50	Sinh học	8.50		1	23.95
35	40015481	LÊ THANH NGỌC	02/10/1998	Nam	Toán	8.80	Hóa học	8.50	Sinh học	6.25		1	24.30
36	57000716	NGUYỄN HUỲNH DIỄM NGỌC	20/04/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.50	Sinh học	7.00		2	23.35
37	39001425	HÀ THỊ NGUYỆT	10/10/2003	Nữ	Toán	6.60	Hóa học	7.75	Sinh học	8.00		1	23.10
38	40002626	TRẦN THỊ THANH NHÀN	26/03/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	8.00	Sinh học	7.25		1	23.80
39	47001996	TẠ PHƯƠNG HỒNG NHUNG	01/10/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	6.75	Sinh học	5.75	01	1	22.65
40	45005373	THẬP THỊ HỒNG OANH	02/08/2002	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.50	Sinh học	6.50	01	1	24.15
41	63004806	LÊ NGÔ MỸ PHƯƠNG	23/09/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.50	Sinh học	5.75		1	22.60
42	40006334	H RINH NIÊ	06/04/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	7.25	Sinh học	4.50	01	1	22.70
43	48030004	NGUYỄN TRỌNG TÀI	10/05/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	6.00	Sinh học	7.75		1	22.90
44	40006384	PHAN NGỌC TÂN	22/02/2003	Nam	Toán	8.40	Hóa học	8.25	Sinh học	6.50		1	23.90
45	40019190	H - THU THẢO APUÔT	07/11/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.00	Sinh học	6.50	01	1	23.85
46	40015501	LẠI TRẦN THANH THẢO	13/11/2002	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	6.75	Sinh học	7.50		1	22.60
47	38012417	TỐNG THỊ KHÁNH THU	24/07/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.00	Sinh học	7.75		1	22.90

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐT	KV	Tổng điểm
48	40011912	NGUYỄN THỊ BÍCH THUẬN	05/11/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.75	Sinh học	6.75		1	23.05
49	39002304	TRƯƠNG NGỌC BÍCH THỦY	31/01/2003	Nữ	Toán	8.20	Hóa học	7.25	Sinh học	7.00		2NT	22.95
50	40010195	NGUYỄN THỊ MINH THƯƠNG	07/09/2003	Nữ	Toán	8.80	Hóa học	7.75	Sinh học	6.00		1	23.30
51	45005083	HOÀNG TRẦN THỦY TIÊN	21/10/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	8.25	Sinh học	6.25		1	22.85
52	63004933	NGUYỄN HOÀNG THỦY TIÊN	03/03/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.25	Sinh học	8.25		1	25.65
53	47008466	HUỲNH NGỌC TIỀN	10/10/2003	Nam	Toán	6.80	Hóa học	7.50	Sinh học	7.25	06	2	22.80
54	40011289	ĐẶNG THỊ THU TRANG	16/01/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.75	Sinh học	6.75		1	23.05
55	40016189	TRẦN HỮU HẠNH TRÂN	07/02/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.25	Sinh học	7.50		1	23.10
56	40017277	H - TUẾT MLÔ	12/12/2003	Nữ	Toán	8.40	Hóa học	8.25	Sinh học	7.25	01	1	26.65
57	40011346	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	13/01/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.50	Sinh học	7.50		1	23.35
58	63002704	TRẦN THỊ LỆ UYÊN	04/03/2003	Nữ	Toán	7.80	Hóa học	7.75	Sinh học	6.25		1	22.55
59	45005521	TRƯỢNG THỊ HỒNG VÂN	10/03/2003	Nữ	Toán	7.40	Hóa học	7.25	Sinh học	6.50	01	1	23.90
60	37004179	LÂM TƯỜNG VI	26/06/2003	Nữ	Toán	7.60	Hóa học	7.75	Sinh học	7.75		2NT	23.60
61	40013518	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	23/05/2003	Nam	Toán	8.00	Hóa học	7.75	Sinh học	7.25		1	23.75
7850103 - Quản lí đất đai													
1	40016372	TRẦN NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	09/01/2003	Nam	Toán	6.80	Vật lí	5.00	Hóa học	6.75		1	19.30
2	40005246	NGUYỄN TIỀN GIANG	28/08/2003	Nữ	Toán	7.00	Vật lí	4.75	Hóa học	5.50		1	18.00
3	40015270	NGUYỄN THÀNH LỘC	28/03/2003	Nam	Toán	5.60	Vật lí	4.75	Tiếng Anh	8.80	01	1	21.90
4	40015434	ĐẶNG TUYẾT NGÂN	14/04/2003	Nữ	Toán	8.20	Vật lí	5.25	Hóa học	7.75		1	21.95
5	63005962	ĐỖ THỊ HỒNG NGỌC	20/01/2003	Nữ	Toán	8.40	Vật lí	6.75	Tiếng Anh	9.20		1	25.10
6	40008460	H VÂN MLÔ	18/02/2002	Nữ	Toán	5.60	Hóa học	4.75	Sinh học	5.50	01	1	18.60

Danh sách gồm 1720 thí sinh.